

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN



HOÀNG HẠNH

TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG DỮ LIỆU
VỀ DÂN CƯ, ĐỊNH DANH VÀ XÁC THỰC ĐIỆN TỬ PHỤC VỤ
CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA TẠI CHI CỤC THUẾ KHU VỰC II,
TỈNH LẠNG SƠN

ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ
NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ

HÀ NỘI - 2024

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN



HOÀNG HẠNH

TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG DỮ LIỆU
VỀ DÂN CƯ, ĐỊNH DANH VÀ XÁC THỰC ĐIỆN TỬ PHỤC VỤ
CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA TẠI CHI CỤC THUẾ KHU VỰC II,
TỈNH LẠNG SƠN

Chuyên ngành: Quản lý kinh tế và chính sách

Mã số: 8340410

ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ

Người hướng dẫn khoa học:

TS. MẠC THỊ HẢI YẾN

HÀ NỘI - 2024

LỜI CAM ĐOAN

Tôi đã đọc và hiểu về các hành vi vi phạm sự trung thực trong học thuật. Tôi cam kết bằng danh dự cá nhân rằng nghiên cứu này do tôi tự thực hiện và không vi phạm yêu cầu về sự trung thực trong học thuật.

Tôi xin cam đoan luận văn với đề tài “*Tổ chức thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia tại Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn*” là công trình nghiên cứu độc lập của riêng tôi thực hiện dưới sự hỗ trợ và hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn. Tất cả các số liệu và trích dẫn trong đề án đều có nguồn gốc chính xác và rõ ràng. Những phân tích của đề án cũng chưa từng được công bố ở công trình nào.

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về lời cam đoan này.

HỌC VIÊN

A handwritten signature in blue ink, appearing to be 'Hoàng Hạnh', written in a cursive style.

Hoàng Hạnh

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành đề án này, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành tới các thầy cô giáo trường Đại học Kinh tế Quốc dân, những người đã truyền đạt nhiều kiến thức và kỹ năng, cũng như luôn hỗ trợ tôi trong suốt quá trình học tập tại trường. Đặc biệt, tôi xin gửi những tình cảm chân thành và lời cảm ơn sâu sắc nhất tới TS. Mạc Thị Hải Yến. Cảm ơn cô đã luôn đồng hành và tận tình hướng dẫn tôi trong suốt quá trình thực hiện đề án này.

Tôi xin gửi lời cảm ơn lãnh đạo và các anh chị đồng nghiệp tại Chi cục Thuế khu vực II, những người đã tận tình chỉ bảo và hỗ trợ tôi trong quá trình khảo sát để thực hiện đề tài tại cơ quan.

Dù bản thân đã rất cố gắng, nhưng do thời gian và khả năng nghiên cứu còn hạn chế, đề án chắc chắn không tránh khỏi những khiếm khuyết. Tôi rất mong nhận được sự góp ý chân thành từ quý thầy cô để đề án được hoàn thiện hơn.

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

Tác giả đề án



Hoàng Hạnh

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN

LỜI CẢM ƠN

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

DANH MỤC CÁC BẢNG

DANH MỤC CÁC HÌNH

MỞ ĐẦU..... 1

**CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN
PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG DỮ LIỆU VỀ DÂN CƯ, ĐỊNH DANH VÀ
XÁC THỰC ĐIỆN TỬ PHỤC VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA TẠI
CHI CỤC THUẾ 5**

**1.1.Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực
điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia 5**

1.1.1.Khái niệm, mục tiêu đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư,
định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia 5

1.1.2. Nội dung đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và
xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia 7

**1.2. Tổ chức thực hiện đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh
và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia tại chi cục thuế
.....8**

1.2.1.Khái niệm tổ chức thực hiện đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về
dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia tại
chi cục thuế..... 8

1.2.2.Mục tiêu và tiêu chí đánh giá tổ chức thực hiện đề án phát triển ứng
dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi
số quốc gia tại chi cục thuế 9

1.2.3. Nội dung tổ chức thực hiện đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân
cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia tại chi
cục thuế 10

1.2.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến tổ chức thực hiện đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia tại chi cục thuế	17
---	----

CHƯƠNG 2: PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG DỮ LIỆU VỀ DÂN CƯ, ĐỊNH DANH VÀ XÁC THỰC ĐIỆN TỬ PHỤC VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA TẠI CHI CỤC THUẾ KHU VỰC II, TỈNH LẠNG SƠN GIAI ĐOẠN 2023-2024 19

2.1. Khái quát về đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia được triển khai tại Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn 19

2.1.1. Chi cục Thuế khu vực II.....	19
-------------------------------------	----

2.1.2. Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia được tổ chức thực hiện tại Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn.....	21
---	----

2.2. Thực trạng tổ chức thực hiện đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia tại Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2023-2024..... 24

2.2.1. Thực trạng chuẩn bị triển khai Đề án.....	24
--	----

2.2.2. Thực trạng triển khai Đề án	31
--	----

2.2.3. Thực trạng kiểm soát thực hiện Đề án	39
---	----

2.3. Đánh giá tổ chức thực hiện đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia tại Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn..... 44

2.3.1. Đánh giá thực hiện mục tiêu	44
--	----

2.3.2. Ưu điểm trong tổ chức thực hiện Đề án.....	46
---	----

2.3.3. Hạn chế trong tổ chức thực hiện Đề án.....	48
---	----

2.3.4. Nguyên nhân của hạn chế	50
--------------------------------------	----

CHƯƠNG 3: ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG DỮ LIỆU VỀ DÂN CƯ, ĐỊNH DANH VÀ XÁC THỰC ĐIỆN TỬ PHỤC VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA TẠI CHI CỤC THUẾ KHU VỰC II, TỈNH LẠNG SƠN ĐẾN NĂM 2030	52
3.1. Định hướng hoàn thiện tổ chức thực hiện đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia tại Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030 ..	52
3.1.1. Mục tiêu tổ chức thực hiện đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia tại Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn	52
3.1.2. Phương hướng hoàn thiện đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia tại Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn	53
3.2. Một số giải pháp hoàn thiện tổ chức thực hiện đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia tại Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030	54
3.2.1. Giải pháp hoàn thiện chuẩn bị triển khai Đề án.....	54
3.2.2. Giải pháp hoàn thiện triển khai Đề án.....	57
3.2.3. Giải pháp hoàn thiện kiểm soát thực hiện Đề án.....	59
3.2.4. Giải pháp khác.....	60
3.3. Kiến nghị	61
3.3.1. Kiến nghị đối với Cục thuế tỉnh Lạng Sơn	61
3.3.2. Kiến nghị đối với Tổng cục thuế.....	61
KẾT LUẬN	62
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	63
PHỤ LỤC	65

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	Chữ viết tắt	Giải nghĩa
1	CQT	Cơ quan thuế
2	NNT	Người nộp thuế
3	MST	Mã số thuế
4	UBND	Ủy ban nhân dân
5	HĐND	Hội đồng nhân dân
6	CCCD	Căn cước công dân
7	CMND	Chứng minh thư nhân dân
8	TMS	Hệ thống thuế tập trung
9	CCT	Chi cục Thuế
10	TCT	Tổng cục Thuế
11	VNeID	Ứng dụng định danh điện tử
12	ĐDDT	Định danh điện tử
13	06	Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1. Nhân lực của Chi cục Thuế khu vực II giai đoạn năm 2022-2024	21
Bảng 2.2. Nhiệm vụ của chi cục thuế trong thực hiện Đề án	23
Bảng 2.3. Nhân lực tổ chức thực hiện Đề án tại Chi cục Thuế khu vực II.....	26
Bảng 2.4. Kế hoạch hàng năm về tổ chức thực hiện đề án 06 tại Chi cục Thuế khu vực II.....	27
Bảng 2.5. Các văn bản đã ban hành trong việc tổ chức thực hiện đề án 06 tại Chi cục Thuế khu vực II	28
Bảng 2.6. Kết quả tập huấn về tổ chức thực hiện đề án 06 tại Chi cục Thuế khu vực II.....	29
Bảng 2.7. Phỏng vấn về thực trạng công tác chuẩn bị thực hiện đề án 06 tại Chi cục Thuế khu vực II	30
Bảng 2.8. Kết quả tuyên truyền đề án 06 tại Chi cục Thuế khu vực II.....	32
Bảng 2.9. Kết quả thực hiện rà soát MST tại Chi cục Thuế khu vực II	35
Bảng 2.10. Kết quả phối hợp với các cơ quan liên quan	36
Bảng 2.11. Các xung đột và kết quả giải quyết xung đột giữa Chi cục Thuế khu vực II với các cơ quan liên quan.....	37
Bảng 2.12. Phỏng vấn về công tác tổ chức thực hiện đề án 06 tại Chi cục Thuế khu vực II.....	38
Bảng 2.13. Tổng hợp về phản hồi thông tin trong tổ chức thực hiện đề án....	40
Bảng 2.14. Phỏng vấn về thực trạng kiểm soát thực hiện Đề án 06 tại Chi cục Thuế khu vực II.....	43
Bảng 2.15. Tỷ lệ hoàn thành mục tiêu theo các giai đoạn	45

DANH MỤC CÁC HÌNH

- Hình 1.1. Khung nghiên cứu tổ chức thực hiện tổ chức thực hiện đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia..... 3
- Hình 2.1: Sơ đồ bộ máy tổ chức tại Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn 20
- Hình 2.2: Sơ đồ bộ máy thực hiện Đề án..... 25

TÓM TẮT

Qua thực tiễn công tác tại Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn tôi nhận thấy công tác tổ chức thực hiện đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia tại Chi cục Thuế đã đạt được kết quả đáng ghi nhận trong thời gian qua. Tuy nhiên công tác tổ chức thực hiện vẫn còn gặp phải nhiều khó khăn, hạn chế liên quan tới nhiều yếu tố gây ảnh hưởng tới việc tổ chức thực hiện đề án.

Tác giả chọn đề tài “*Tổ chức thực hiện đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia tại Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn*” với mục đích tìm kiếm giải pháp tốt có thể vận dụng vào địa phương giúp việc tổ chức thực hiện đề án đạt hiệu quả cao hơn.

Mục tiêu tổ chức thực hiện đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia tại Chi cục Thuế là hoàn thiện việc rà soát, cập nhật thông tin người nộp thuế chưa khớp với dữ liệu Bộ Công an cũng như giúp người nộp thuế dễ dàng sử dụng mã số định danh thay số thuế để thực hiện các thực tục tại cơ qua thuế. Đồng thời đề xuất các giải pháp hoàn thiện tổ chức thực hiện đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia tại Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030.

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung chính của đề án được kết cấu thành ba chương như sau:

Chương 1: Cơ sở lý luận về tổ chức thực hiện đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia tại Chi cục Thuế.

Chương 2: Phân tích thực trạng tổ chức thực hiện đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia tại Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2023-2024.

Chương 3: Định hướng và giải pháp hoàn thiện tổ chức thực hiện đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia tại Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn đến 2030.

MỞ ĐẦU

1. Tính cần thiết của đề tài

Chuyển đổi số quốc gia đang diễn ra mạnh mẽ với nhiều chính sách và chiến lược nhằm thúc đẩy ứng dụng công nghệ số trong các lĩnh vực khác nhau. Chính phủ đã ban hành nhiều chương trình và kế hoạch nhằm đẩy mạnh chuyển đổi số, như phê duyệt đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia” (gọi tắt là Đề án 06). Đề án tập trung vào việc xây dựng cơ sở dữ liệu dân cư quốc gia và phát triển hệ thống định danh điện tử, qua đó cải thiện chất lượng dịch vụ công và quản lý thông tin. Đề án hướng tới mục tiêu tạo dựng nền tảng bền vững để thúc đẩy quá trình chuyển đổi số và hiện đại hóa trong quản lý nhà nước. Đây là bước đệm quan trọng cho sự thay đổi cách thức sống, làm việc và sản xuất dựa trên công nghệ số. Việc ứng dụng và khai thác hiệu quả dữ liệu dân cư, kết hợp với hệ thống định danh và xác thực điện tử, đóng vai trò cốt lõi trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội cũng như tiến trình chuyển đổi số quốc gia. Không chỉ dừng lại ở những lợi ích trước mắt, Đề án còn đặt nền tảng cho việc xây dựng chính phủ điện tử, hướng tới một chính phủ số toàn diện trong tương lai.

Việc thực hiện Đề án 06 tại tỉnh Lạng Sơn đóng vai trò quan trọng trong đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số, hướng tới một nền hành chính hiện đại, hiệu quả và minh bạch. Đề án chuyển đổi từ quản lý công dân truyền thống sang hệ thống hiện đại dựa trên mã định danh cá nhân, giúp giải quyết các hạn chế về quản lý, tăng cường liên kết giữa các cơ quan và nâng cao chất lượng dịch vụ công. Đặc biệt, đến năm 2025, tỉnh Lạng Sơn đặt mục tiêu mọi người dân sử dụng mã định danh cá nhân trong tất cả các dịch vụ công, tạo sự thuận tiện, tiết kiệm thời gian, chi phí và thúc đẩy xây dựng xã hội số toàn diện.

Tuy nhiên, do số lượng mã số thuế cá nhân rất lớn và đã được cấp trong thời gian dài, việc này chịu ảnh hưởng bởi các quy định pháp luật đã thay đổi qua từng giai đoạn. Bên cạnh đó hệ thống cơ sở dữ liệu về dân cư và nhiều mã số thuế tại địa phương còn chưa được đồng bộ, dẫn đến sự không khớp giữa các thông tin về người dân và mã số thuế gây khó khăn trong việc rà soát và xác minh chính xác thông tin. Việc này đòi hỏi phải tiến hành sửa đổi và bổ sung thông tin một cách chính xác, dẫn đến việc kéo dài thời gian rà soát. Qua đó việc thực hiện các hoạt động thuộc đề án còn gặp không ít khó khăn, vướng mắc bởi thiếu hụt nhân sự tham dự đề án, khối công việc nhiều, đặc biệt sự liên kết, phối hợp giữa cơ quan thuế và các cơ quan liên quan đôi khi còn gặp khó khăn do chưa có sự phối hợp chặt chẽ hoặc thiếu quy trình

rõ ràng, ảnh hưởng đến tiến độ rà soát mã số thuế. Ngoài ra còn gặp nhiều vấn đề trong việc tuyên truyền tới người nộp thuế phối hợp thực hiện đề án. Khó khăn cũng một phần từ phía đơn vị thực hiện do còn nhiều thiếu sót.

Vì vậy, tác giả quyết định chọn đề tài **“Tổ chức thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia tại Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn”** làm đề tài tốt nghiệp. Qua đó, tác giả mong muốn đóng góp một phần nhỏ vào việc nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện Đề án tại Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn trong giai đoạn hiện nay.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Đề tài hướng tới các mục tiêu sau:

- Xác định được khung nghiên cứu về tổ chức thực hiện đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia tại chi cục thuế.

- Phân tích được thực trạng tổ chức thực hiện đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia tại Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2023-2024. Qua đó đánh giá được kết quả, hạn chế, nguyên nhân của các hạn chế và đề xuất được một số giải pháp khắc phục các hạn chế đó.

- Đề xuất một số giải pháp hoàn thiện tổ chức thực hiện đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia tại Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Tổ chức thực hiện đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia tại chi cục thuế.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi nội dung: Tiếp cận theo quá trình tổ chức thực hiện từ chuẩn bị triển khai thực hiện đề án đến triển khai và kiểm soát thực hiện đề án đó. Trong đó chủ thể chịu trách nhiệm là Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn.

- Phạm vi không gian: Nghiên cứu trên địa bàn huyện Lộc Bình (trực thuộc Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn).

- Phạm vi thời gian:

- Số liệu thứ cấp về kết quả thực hiện được thu thập trong giai đoạn 2023-2024. Được chia thành 3 đợt:

- + Đợt 1 năm 2023 (từ 01/01/2023 đến 30/6/2023).

- + Đợt 2 năm 2023 (từ 01/7/2023 đến 31/12/2023).

- + Đợt 1 năm 2024 (từ 01/01/2024 đến 30/6/2024).

- Số liệu sơ cấp được thu thập trong tháng 6, 7 năm 2024.

- Các giải pháp được đưa ra để đề xuất cho giai đoạn năm 2025-2030.

4. Khung nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu

4.1. Khung nghiên cứu

Đề án xây dựng khung nghiên cứu với các nội dung sau:

<p>Các yếu tố ảnh hưởng đến tổ chức thực hiện đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yếu tố thuộc Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn - Yếu tố thuộc môi trường bên ngoài 	<p>→</p>	<p>Nội dung tổ chức thực hiện đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị triển khai Đề án - Triển khai thực hiện Đề án - Kiểm soát thực hiện Đề án 	<p>→</p>	<p>Mục tiêu tổ chức thực hiện đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thiện việc rà soát, cập nhật thông tin NNT chưa khớp với dữ liệu Bộ Công an. - NNT dễ dàng sử dụng mã số định danh thay MST để thực hiện các thủ tục tại CQT.
--	----------	--	----------	---

(Nguồn: tác giả tổng hợp)

Hình 1.1. Khung nghiên cứu tổ chức thực hiện đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia

4.2. Quy trình và phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu đề tài áp dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu định tính và phương pháp định lượng theo các bước sau:

Bước 1: Nghiên cứu tài liệu nhằm xác định khung nghiên cứu về tổ chức thực hiện đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia. Phương pháp được sử dụng là phân tích và tổng hợp.

Bước 2: Thu thập số liệu thứ cấp về thực trạng tổ chức thực hiện đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2023-2024 tại địa bàn huyện Lộc Bình trực thuộc Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn. Các phương pháp được thực hiện chủ yếu là tổng hợp, thống kê và so sánh.

Bước 3: Thu thập dữ liệu sơ cấp thông qua phỏng vấn sâu cán bộ quản lý và thực hiện đề án.

- Mục đích phỏng vấn: Thu thập thông tin đánh giá thực trạng tổ chức thực hiện đề án.

- Nội dung: Lấy ý kiến đối tượng phỏng vấn nhận định về: chuẩn bị triển khai, triển khai đề án và kiểm soát thực hiện đề án.

- Đối tượng phỏng vấn: 12 người (2 cán bộ quản lý, 8 công chức thuế, 2 cán bộ công an).

Bước 4: Dựa vào dữ liệu thu thập được để phân tích thực trạng tổ chức thực hiện đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia. Các phương pháp phân tích được sử dụng là thống kê, so sánh, phân tích và tổng hợp.

Bước 5: Trên cơ sở những hạn chế, nguyên nhân đề xuất được một số giải pháp hoàn thiện tổ chức thực hiện Đề án 06 tại Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn. Các phương pháp được sử dụng là phân tích và tổng hợp.

5. Kết cấu đề án

Chương 1: Cơ sở lý luận về tổ chức thực hiện đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia tại chi cục thuế.

Chương 2: Phân tích thực trạng tổ chức thực hiện đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia tại Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2023-2024.

Chương 3: Định hướng và giải pháp hoàn thiện tổ chức thực hiện đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia tại Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG DỮ LIỆU VỀ DÂN CƯ, ĐỊNH DANH VÀ XÁC THỰC ĐIỆN TỬ PHỤC VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA TẠI CHI CỤC THUẾ

1.1. Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia

1.1.1. *Khái niệm, mục tiêu đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia*

1.1.1.1. *Khái niệm*

Đề án là tổng thể các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp nhằm sử dụng nguồn lực có hiệu quả để đạt được mục tiêu trong khoảng thời gian cụ thể. (Nguyễn Thị Ngọc Huyền và cộng sự, năm 2022).

Dữ liệu về dân cư là thông tin cá nhân của công dân được thu thập và lưu trữ trong hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia, như tên, tuổi, địa chỉ, số căn cước công dân, và các thông tin liên quan khác.

Định danh điện tử là quy trình đăng ký, đối chiếu và tạo lập danh tính điện tử cho các chủ thể có liên quan giúp xác định chính xác chủ thể đó trên môi trường số.

Xác thực điện tử là quy trình xác nhận và kiểm chứng thông tin liên quan đến danh tính điện tử của một cá nhân hoặc tổ chức, bằng cách khai thác và đối chiếu dữ liệu từ các nguồn như cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu căn cước công dân, cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh và các hệ thống cơ sở dữ liệu khác. Hệ thống định danh và xác thực điện tử cũng có thể xác thực tài khoản định danh điện tử do các tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử tạo ra, nhằm xác nhận giá trị sử dụng của tài khoản đó. (Quốc hội, năm 2022).

Ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử là hệ thống sử dụng các thông tin số hóa về công dân được xây dựng để phục vụ cho các mục đích khác nhau trong quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công, và phát triển kinh tế - xã hội. Ứng dụng này có thể được triển khai trong nhiều lĩnh vực, từ hành chính công đến y tế, giáo dục, an ninh, và nhiều lĩnh vực khác nhằm hỗ trợ quá trình chuyển đổi số quốc gia, nâng cao hiệu quả quản lý dân cư, và đơn giản hóa thủ tục hành chính.

Từ đó có thể hiểu rằng đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia là *tổng thể mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp mà chính phủ sử dụng các nguồn lực của quốc gia để tổ chức thực hiện nhằm xây dựng một ứng dụng dữ liệu về dân cư kết hợp với các hệ thống định danh và xác thực điện tử để phục vụ quản lý nhà nước, thúc đẩy quá trình chuyển đổi số quốc gia, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và thúc đẩy các hoạt động kinh tế - xã hội dựa trên nền tảng số.*

1.1.1.2. Mục tiêu

Đề án được triển khai nhằm góp phần cải thiện thủ tục hành chính, giảm thiểu thời gian và chi phí cho người dân thông qua việc áp dụng các giải pháp số hóa. Đồng thời, Đề án nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, giúp các cơ quan vận hành hiệu quả hơn dựa trên dữ liệu chính xác. Ngoài ra, Đề án còn đảm bảo tính bảo mật thông tin, tăng cường an ninh và ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật. Bên cạnh đó, việc xây dựng nền tảng dữ liệu an toàn và chính xác sẽ thúc đẩy sự phát triển của kinh tế số và xã hội số, hỗ trợ các lĩnh vực như tài chính, y tế và giáo dục.

Đề án có mục tiêu tổng quát là phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử để phù hợp với Chương trình chuyển đổi số quốc gia. Tương ứng với các mục tiêu cụ thể sau:

- Thu thập dữ liệu dân cư một cách chính xác để đưa vào cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Với chỉ tiêu: 100% các thông tin thiết yếu được đưa vào chính xác.

- Xác thực thông tin dân cư đạt mức độ bảo mật cao, tích hợp yếu tố sinh trắc học trong các giao dịch để hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội. Cùng chỉ tiêu: 100% hồ sơ công việc liên quan đến quản lý dân cư được xử lý hoàn toàn trên môi trường số.

- Tích hợp và cung cấp được dịch vụ xác thực thông tin trên cổng dịch vụ công quốc gia được. Chỉ tiêu: 100% thông tin được tích hợp phục vụ khi người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

- Hoàn thiện được hệ sinh thái số trong thực hiện thủ tục hành chính. Chỉ tiêu: 100% dữ liệu dân cư được truyền từ cơ sở dữ liệu quốc gia tới các hệ thống quản lý của các cơ quan liên quan.

- Đảm bảo dữ liệu quốc gia về dân cư sẽ được tổng hợp, phân tích, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu khác để phục vụ việc điều hành của nhà nước. Chỉ tiêu: 100% dữ liệu được liên thông, nhanh chóng, hiệu quả.

1.1.2. Nội dung đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia

Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia được xây dựng hướng tới phục vụ các nhóm tiện ích sau:

- Tiện ích về thủ tục hành chính và dịch vụ công trực tuyến. Nhằm giải quyết thủ tục hành chính một cách hiệu quả, giúp giảm thiểu và đơn giản hóa quy trình thủ tục hành chính.

- Tiện ích về phát triển kinh tế - xã hội thông. Tích hợp, phát triển mở rộng kết nối với các dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan liên quan.

- Tiện ích về công dân số. Cung cấp các dịch vụ công và dịch vụ thương mại nhằm đáp ứng nhu cầu tiện ích số cho công dân bằng cách dần thay thế các loại giấy tờ công dân bằng thẻ CCCD trong các giao dịch theo quy định pháp luật.

- Tiện ích hoàn thiện hệ sinh thái về dữ liệu dân cư. Điều này giúp việc xử lý thủ tục cho công dân được thực hiện chính xác và thuận tiện hơn.

- Tiện ích cho công tác chỉ đạo và điều hành của lãnh đạo các cấp. Hệ thống này hỗ trợ hiệu quả cho công tác điều hành của chính phủ và hoạch định các chính sách kinh tế, xã hội.

Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia có các giải pháp sau:

- Giải pháp về chính sách pháp luật về phát triển, cung cấp ứng dụng, dịch vụ số liên quan đến thông tin dân cư. Ban hành thông tư quy định danh mục và mức phí khai thác dữ liệu dân cư sẽ thiết lập cơ chế hỗ trợ cung cấp dịch vụ dữ liệu đảm bảo sử dụng đúng mục đích, đáp ứng yêu cầu cụ thể và tăng cường các biện pháp bảo mật để ngăn chặn nguy cơ rò rỉ thông tin.

- Giải pháp về thủ tục hành chính và dịch vụ công trực tuyến. Triển khai các dịch vụ công thiết yếu bảo đảm thực hiện theo hướng chuẩn hóa và tái cấu trúc quy trình, nhằm cắt giảm và đơn giản hóa tối đa các thủ tục hành chính.

- Giải pháp về phát triển kinh tế, xã hội. Xây dựng mô hình và tổ chức triển khai các hoạt động định danh và xác thực điện tử, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển các lĩnh vực kinh tế và xã hội.

- Giải pháp về phát triển công dân số. Tập trung xây dựng, nâng cấp và mở rộng đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin cho các hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, căn cước công dân, định danh và xác thực điện tử nhằm đảm bảo nền tảng vững chắc để thực hiện hiệu quả các mục tiêu của Đề án, thúc đẩy quá trình chuyển đổi số quốc gia.

- Giải pháp về hệ sinh thái phục vụ kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu dân cư. Đẩy mạnh kết nối và chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với các cơ sở dữ liệu của các cơ quan nhà nước khác, nhằm khai thác, bổ sung và làm giàu nguồn dữ liệu dân cư.

- Giải pháp về công tác chỉ đạo, điều hành. Xây dựng, triển khai Trung tâm giám sát, điều hành thông minh dựa trên nền tảng bản đồ số, hỗ trợ trong việc hoạch định chính sách phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh và các chính sách thuộc lĩnh vực khác.

1.2. Tổ chức thực hiện đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia tại chi cục thuế

1.2.1. Khái niệm tổ chức thực hiện đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia tại chi cục thuế

Tổ chức thực hiện đề án là quá trình đưa đề án đó thành những kết quả trên thực tế thông qua các hoạt động có tổ chức trọng bộ máy nhà nước nhằm hiện thực hóa những mục tiêu mà đề án đề ra. (Nguyễn Thị Lệ Thúy và Bùi Thị Hồng Việt).

Từ đó có thể hiểu rằng, tổ chức thực hiện đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia là *quá trình chuẩn bị, triển khai và kiểm soát việc thực hiện đề án nhằm đạt được mục tiêu mà đề án đưa ra thông qua hoạt động có tổ chức và phối hợp của các bên liên quan.*

Tổ chức thực hiện đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia gồm ba giai đoạn chính:

- Giai đoạn chuẩn bị tổ chức thực hiện: Đảm bảo các yếu tố cơ bản như cơ cấu tổ chức và nguồn nhân lực sẵn sàng cho việc triển khai đề án.

- Giai đoạn tổ chức thực hiện: Triển khai các kế hoạch cụ thể đưa đề án vào thực tế, đảm bảo các nhiệm vụ và mục tiêu được thực hiện hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tiễn.

- Giai đoạn kiểm soát tổ chức thực hiện: Giám sát và đánh giá sự thực hiện, phát hiện các vấn đề phát sinh trong thực tế, xây dựng hệ thống thông tin phản hồi về việc tổ chức đề án, nhằm đưa ra giải pháp để hoàn thiện đề án trong tương lai.

1.2.2. Mục tiêu và tiêu chí đánh giá tổ chức thực hiện đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia tại chi cục thuế

Tổ chức thực hiện đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia tại chi cục thuế góp phần: thực hiện rà soát, cập nhật thông tin của người nộp thuế trên cơ sở dữ liệu của cơ quan thuế sao cho trùng khớp với dữ liệu dân cư của cơ quan giám sát dân cư dễ dàng hơn; hỗ trợ người dân sử dụng các dịch vụ công trực tuyến để thực hiện các thủ tục hành chính do cơ quan nhà nước cung cấp một cách dễ dàng thay vì phải đến trực tiếp các cơ quan hành chính để thực hiện các thủ tục; giảm thiểu việc sử dụng giấy trong quá trình thực hiện các thủ tục hành chính, góp phần bảo vệ môi trường.

Tổ chức thực hiện đề án tại chi cục thuế nhằm đạt được các mục tiêu sau:

Thứ nhất, thông tin của người nộp thuế trên cơ sở dữ liệu của cơ quan thuế được thực hiện rà soát, cập nhật và được chuẩn hóa dữ liệu theo đúng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, qua đó hoàn thiện và đồng bộ dữ liệu về thuế với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Mục tiêu được đánh giá thông qua các chỉ tiêu:

- Số lượng mã số cá nhân được chuẩn hóa theo các nhóm đúng với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Tỷ lệ hoàn thành việc đồng bộ dữ liệu về thuế với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Thứ hai, cung cấp được dịch vụ công trực tuyến cho người dân để thực hiện thủ tục hành chính liên quan đến thuế. Mục tiêu này được cụ thể hóa thông qua các chỉ tiêu sau:

- Số lượng người dân sử dụng cổng dịch vụ công để chấp hành thủ tục liên quan đến thuế.

- Số lượng thủ tục hành chính liên quan đến thuế được thực hiện thông qua công dịch vụ công.

1.2.3. Nội dung tổ chức thực hiện đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia tại chi cục thuế

1.2.3.1. Chuẩn bị triển khai Đề án

Chuẩn bị triển khai đề án là giai đoạn đóng vai trò nền tảng, trong đó việc xây dựng bộ máy tổ chức hợp lý và bố trí nguồn nhân lực phù hợp là yếu tố then chốt quyết định thành công của kết quả thực hiện đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia.

a) Xây dựng bộ máy tổ chức thực hiện Đề án

Để đảm bảo triển khai Đề án một cách hiệu quả và có hệ thống chi cục thuế đã xây dựng cơ cấu bộ máy tổ chức thực hiện Đề án tại chi cục thuế gồm Chi cục trưởng, Phó Chi cục trưởng và hai đội thuế (Đội Nghiệp vụ quản lý thuế - Hành chính, Đội Quản lý thuế liên xã, thị trấn).

- Chi cục trưởng: Chỉ đạo chung và toàn diện các nhiệm vụ tổ chức thực hiện Đề án của chi cục thuế.

- Phó Chi cục trưởng: Tiếp nhận chỉ đạo triển khai từ Tổng cục Thuế và Cục Thuế cấp tỉnh, đồng thời giám sát và thúc đẩy các đội thực hiện đề án. Ngoài ra, Phó Chi cục trưởng chỉ đạo sự phối hợp với các cơ quan liên quan để giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện và báo cáo kết quả triển khai cũng như những khó khăn gặp phải trong suốt quá trình triển khai đề án.

- Đội Nghiệp vụ quản lý thuế - Hành chính: đóng vai trò chính trong việc thực hiện đề án, đảm nhận các nhiệm vụ chuyên môn, kiểm soát dữ liệu và xử lý các quy trình nghiệp vụ phức tạp liên quan đến đề án.

- Đội quản lý thuế liên xã, thị trấn: làm việc trực tiếp tại các địa phương, hỗ trợ người dân trong quá trình thực hiện Đề án, đặc biệt trong việc cung cấp thông tin và hướng dẫn về mã số định danh cá nhân thay cho mã số thuế.

Để thực hiện thành công Đề án, các cán bộ tham gia cần trang bị đầy đủ kiến thức cùng với kỹ năng cũng như phẩm chất sau:

- Về kiến thức: các cán bộ tham gia cần trang bị đầy đủ kiến thức pháp luật chính sách về dân cư, kiến thức về các ứng dụng công nghệ.

- Về kỹ năng: cán bộ thực hiện đề án cần sở hữu kỹ năng thu thập và tổng hợp thông tin, kỹ năng công nghệ thông tin, cùng khả năng giao tiếp và hướng dẫn hiệu quả, để đảm bảo làm việc tốt với người dân và các cơ quan liên quan.

- Về phẩm chất đạo đức: cán bộ thực hiện đề án cần thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, sự kiên nhẫn và khả năng linh hoạt trong việc thích ứng với những thay đổi trong suốt quá trình triển khai, nhằm bảo đảm tiến độ và chất lượng công việc.

b) Lập các kế hoạch triển khai

Việc triển khai đề án là một quá trình phức tạp và kéo dài có liên quan đến nhiều ban ngành. Do đó, cần phải có một kế hoạch chi tiết để chi cục thuế và các cơ quan liên quan có thể chủ động thực hiện, đồng thời phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế của địa phương trong từng giai đoạn.

- Kế hoạch tổng thể về tổ chức thực hiện đề án

+ Mục tiêu: Hoàn thành được mục tiêu đề án đề ra.

+ Thời gian thực hiện: 8 năm (tương ứng với thời gian của đề án: 2022-2030).

- Kế hoạch tổ chức thực hiện hàng năm.

+ Mục tiêu là mục tiêu cụ thể, ngắn hạn tương ứng với các mốc thời gian của đề án.

Căn cứ vào hai kế hoạch cơ bản trên chi cục thuế xây dựng các kế hoạch cụ thể liên quan đến các nhóm giải pháp nhằm triển khai Đề án, cụ thể như sau:

- Kế hoạch tập huấn bồi dưỡng cho cán bộ công chức nhằm bổ sung kiến thức chuyên môn cho cán bộ công chức thuế thực hiện tốt các mục tiêu của đề án. Cần tổ chức các lớp bồi dưỡng đào tạo ngắn hạn về kỹ năng nghiệp vụ để thực hiện đề án.

- Kế hoạch tuyên thông nhằm giúp người dân nắm được thông tin về đề án. Ban hành văn bản hướng dẫn, tuyên truyền dưới nhiều hình thức về nội dung đề án cũng như hướng dẫn người dân cách phối hợp thực hiện với cơ quan thuế.

- Kế hoạch thực hiện đề án nhằm đảm bảo triển khai đề án đúng mục tiêu và tiến độ. Để thực hiện, cần xây dựng kế hoạch chi tiết với các nhiệm vụ cụ thể, phân công rõ ràng, và hợp tác với các cơ quan liên quan.

- Kế hoạch kiểm tra, giám sát hướng đến đảm bảo tính minh bạch, hiệu quả trong quá trình triển khai đề án, phát hiện và xử lý kịp thời các sai sót. Cần xây dựng quy trình giám sát chặt chẽ, tiến hành kiểm tra định kỳ và đột xuất, tổng hợp và phân tích kết quả để điều chỉnh kế hoạch khi cần.

c) Ban hành văn bản hướng dẫn

Trên cơ sở các văn bản đã được ban hành của cấp trên, chi cục thuế ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện đề án để các tổ chức, các nhân tham gia thực hiện đề án, đối tượng thụ hưởng đề án có căn cứ để thực hiện. Các văn bản tổ chức thực hiện đề án do chi cục thuế ban hành gồm:

- Văn bản kiện toàn, thành lập bộ máy thực hiện đề án tại chi cục thuế.
- Văn bản phối hợp thực hiện đề án cho các cơ quan liên quan.
- Văn bản nhắc nhở, kiến nghị lên cục thuế cấp tỉnh.
- Văn bản hướng dẫn người dân thực hiện đề án.

d) Tổ chức tập huấn:

Tổ chức tập huấn nhằm thực hiện đào tạo cho cán bộ, công chức thực hiện đề án giúp cán bộ, công chức thực hiện trang bị được những kiến thức và kỹ năng cần thiết trong quá trình thực hiện.

Chương trình tập huấn tập trung vào các nội dung trọng tâm của đề án và hướng dẫn cụ thể về quy trình triển khai. Các kiến thức và kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin theo đúng yêu cầu của đề án.

Các buổi tập huấn được tổ chức dưới hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến tại chi cục thuế. Hình thức trực tiếp là các cán bộ công chức được tham gia các buổi học trực tiếp do các cán bộ tại cục thuế cấp tỉnh đào tạo tại chi cục thuế. Đối với các buổi tập huấn trực tuyến là các cán bộ tại tổng cục thuế sẽ đào tạo cho các chi cục thuế trên toàn quốc cùng lúc.

1.2.3.2. Triển khai các hoạt động của Đề án

Đây là quá trình triển khai đề án, đưa đề án vào thực tiễn thông qua các kế hoạch để đạt được mục tiêu được đề ra.

a) Tổ chức tuyên truyền

Tổ chức tuyên truyền về đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử nhằm giúp người dân hiểu rõ mục tiêu, tính đúng đắn và khả

năng triển khai của đề án trong tiến trình chuyển đổi số quốc gia. Đồng thời, hoạt động truyền thông nhấn mạnh những lợi ích thiết thực của đề án để khuyến khích sự tự giác tuân thủ và hợp tác của người dân với các cơ quan nhà nước.

Xây dựng các tài liệu tuyên truyền và hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mã số định danh cá nhân thay cho mã số thuế, giúp người nộp thuế nắm rõ quy trình và yêu cầu của việc đăng ký, thay đổi thông tin thuế. Nội dung truyền thông cần làm rõ các quy định liên quan đến chuẩn hóa dữ liệu mã số thuế cá nhân, từ đó hỗ trợ người dân trong việc thực hiện các thủ tục đúng quy định.

Phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan để tăng cường truyền thông qua các phương tiện đại chúng như báo chí, truyền hình, và mạng xã hội, đồng thời tổ chức các buổi gặp gỡ trực tiếp với người nộp thuế. Các hình thức này giúp truyền tải thông tin một cách hiệu quả và sâu rộng, tăng cường hiểu biết và thúc đẩy sự hợp tác từ cộng đồng.

b) Tổ chức thực hiện đề án

Tổ chức thực hiện đề án cần đảm bảo các bộ phận tham gia đề án thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo kế hoạch đã đề ra, nhằm hoàn thành đề án đúng tiến độ và đạt hiệu quả cao nhất.

Các bộ phận trong bộ máy tổ chức sẽ thực hiện nhiệm vụ của mình theo từng nội dung chi tiết của kế hoạch. Mỗi bộ phận cần phối hợp nhịp nhàng và thực hiện đúng quy trình, đảm bảo các công việc được triển khai theo đúng tiến độ và yêu cầu chất lượng.

Các bộ phận trong bộ máy tổ chức sẽ trực tiếp tham gia thực hiện Đề án. Các nhiệm vụ sẽ được phân công cụ thể cho từng bộ phận, giám sát tiến độ thực hiện định kỳ để đánh giá kết quả và xử lý kịp thời các vướng mắc phát sinh. Các báo cáo tiến độ sẽ được cập nhật thường xuyên để đảm bảo mọi hoạt động đều diễn ra theo kế hoạch đề án.

Chi cục thuế có trách nhiệm đôn đốc các đội trong việc thực hiện đề án. Định kỳ 6 tháng, hằng năm tổng hợp kết quả thực hiện để báo cáo cục thuế cấp tỉnh cùng UBND huyện.

c) Vận hành ngân sách

Mọi chương trình, đề án chỉ có thể triển khai hiệu quả khi được đảm bảo đủ nguồn lực tài chính để hoàn thành các mục tiêu và nhiệm vụ đã đề ra. Để đề án thành

công, cần huy động vốn từ nhiều nguồn khác nhau, chủ yếu là ngân sách Nhà nước (bao gồm ngân sách Trung ương, tỉnh và huyện) được phân bổ trực tiếp cho đề án. Bên cạnh đó, nguồn vốn còn có thể đến từ các tổ chức, cá nhân khác, kết hợp với các chương trình, dự án khác trên địa bàn huyện để tăng cường hiệu quả triển khai.

d) Phối hợp hoạt động

Sự phối hợp giữa chi cục thuế và các sở, ban, ngành liên quan cần được tăng cường để triển khai đề án đúng kế hoạch và hiệu quả.

Các nội dung phối hợp chủ yếu trong công tác thu thập và tổng hợp dữ liệu dân cư bao gồm việc chia sẻ thông tin giữa các cơ quan, đơn vị liên quan để đảm bảo dữ liệu được thu thập đầy đủ, chính xác và kịp thời. Đồng thời, phối hợp trong công tác tuyên truyền và vận động người dân thực hiện đề án là một phần quan trọng để nâng cao nhận thức và khuyến khích sự tham gia tích cực.

Hình thức phối hợp được tổ chức thông qua các buổi làm việc và thảo luận định kỳ giữa các đơn vị cũng như qua các văn bản được chi cục thuế và các cơ quan liên quan ban hành.

e) Đàm phán và giải quyết xung đột

Trong quá trình thực hiện đề án không thể tránh phát sinh các vấn đề xung đột giữa các đơn vị cũng như tại chi cục thuế. Cần giải quyết kịp thời các mâu thuẫn, xung đột phát sinh trong quá trình triển khai đề án nhằm đảm bảo đề án được thực hiện suôn sẻ, đạt đúng mục tiêu đề ra, đồng thời tạo sự đồng thuận giữa các đối tượng tham gia và hưởng lợi.

Cần xác định nguyên nhân các mâu thuẫn, bao gồm sự thiếu rõ ràng trong chính sách, thiếu hiểu biết về đề án của các đối tượng tham gia, và việc thực hiện không đúng quy định. Các giải pháp cần thiết bao gồm giao nhiệm vụ cụ thể và phân công trách nhiệm rõ ràng cho các cơ quan liên quan để đàm phán, giải quyết xung đột và đề xuất điều chỉnh các công việc chưa hợp lý.

Chi cục thuế tổ chức các buổi làm việc định kỳ để đàm phán và xử lý xung đột, đồng thời thiết lập kênh liên lạc cho các bên phản hồi về những bất cập. Các cơ quan liên quan cũng sẽ xem xét, đề xuất điều chỉnh quy định khi cần để đáp ứng tốt hơn yêu cầu và mục tiêu của đề án.

1.2.3.3. Kiểm soát thực hiện Đề án

Trong quá trình triển khai đề án, việc giám sát, đo lường và đánh giá tiến độ thực hiện là rất quan trọng để đảm bảo các mục tiêu được đạt được đúng hạn và hiệu quả. Các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện cần được nhận diện kịp thời, và có hệ thống phản hồi nhanh chóng để xử lý những khó khăn, vướng mắc. Thông qua việc thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan, các cơ quan chức năng có thể đưa ra các giải pháp điều chỉnh phù hợp, đảm bảo tiến độ và chất lượng công việc, đồng thời nâng cao hiệu quả triển khai đề án.

Chủ thể kiểm soát gồm các chủ thể kiểm soát: Chi cục thuế, Cục thuế cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện. Mỗi cơ quan đều có nhiệm vụ kiểm soát nhất định để đảm bảo đề án được thực hiện một cách nhanh chóng và chính xác nhất.

Chi cục thuế có trách nhiệm giám sát và kiểm soát chặt chẽ các cán bộ, công chức tham gia triển khai đề án, đảm bảo mọi hoạt động được thực hiện đúng theo quy trình và kế hoạch đã đề ra. Chi cục thuế giám sát không chỉ từng bước trong quá trình thực hiện mà còn cả các kết quả đạt được, nhằm đảm bảo rằng từng cán bộ, công chức đều tuân thủ đúng chức năng, nhiệm vụ.

Cục thuế cấp tỉnh chịu trách nhiệm kiểm soát toàn bộ quá trình tổ chức thực hiện đề án, bao gồm giám sát chặt chẽ tiến độ và chất lượng các hoạt động. Cục thuế cũng đánh giá và kiểm soát các kết quả đầu ra của đề án, từ đó có thể đưa ra các giải pháp và điều chỉnh cần thiết để đáp ứng yêu cầu thực tế và mục tiêu đề ra.

Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm kiểm soát và đánh giá kết quả thực hiện của đề án trên địa bàn, nhằm bảo đảm các mục tiêu và nhiệm vụ của đề án được hoàn thành theo đúng yêu cầu. UBND cấp huyện sẽ thường xuyên cập nhật tình hình thực hiện, báo cáo kết quả và phản ánh các khó khăn, bất cập cho các cấp có thẩm quyền để có giải pháp hỗ trợ.

Cùng với đó các hoạt động kiểm soát và đánh giá được xây dựng để đảm bảo đề án được thực hiện đúng tiến độ. Các hoạt động kiểm soát và đánh giá quá trình tổ chức thực hiện Đề án bao gồm các nội dung sau:

a) Xây dựng hệ thống thông tin phản hồi

Việc triển khai Đề án tại chi cục thuế đòi hỏi thực hiện nhiều công việc liên quan đến các đối tượng khác nhau. Vì vậy, cần thiết phải xây dựng một hệ thống thông tin phản hồi nhằm kịp thời nắm bắt các khó khăn và vướng mắc trong quá trình thực hiện đề án. Tổ chức thực hiện đề án có các kênh thông tin phản hồi sau:

- Đường dây nóng và email của chi cục thuế là kênh thông tin để người dân phản hồi trực tiếp tới chi cục thuế các vấn đề mắc phải khi thực hiện đề án.

- Trang web chính thức của tổng cục thuế là kênh thông tin mà người dân phản hồi về các vấn đề trong quá trình thực hiện đề án tới cơ quan thuế.

- Hội nghị, hội thảo phản hồi về các khó khăn còn gặp phải trong quá trình tổ chức thực hiện đề án từ các cán bộ công chức tới lãnh đạo chi cục thuế, từ chi cục thuế lên cục thuế cấp tỉnh hoặc UBND cấp huyện.

- Công văn, báo cáo phản hồi về tiến độ thực hiện cũng như kết quả thực hiện đề án tại chi cục thuế gửi tới cục thuế cấp tỉnh và UBND cấp huyện.

b) Giám sát và đánh giá sự thực hiện

- Giám sát việc tổ chức thực hiện đề án bao gồm:

+ Giám sát về công tác tổ chức tuyên truyền.

+ Giám sát về việc tổ chức thực hiện đề án.

+ Giám sát về tình hình phân bổ, sử dụng ngân sách.

+ Giám sát về tình hình phối hợp hoạt động với các bên liên quan.

+ Giám sát về việc đàm phán và giải quyết xung đột.

- Đánh giá việc tổ chức thực hiện Đề án thông qua các chỉ tiêu sau:

+ Số lượng mã số cá nhân được chuẩn hóa theo các nhóm đúng với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

+ Tỷ lệ hoàn thiện việc đồng bộ dữ liệu về thuế với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

+ Số lượng người dân sử dụng cổng dịch vụ công để chấp hành thủ tục liên quan đề thuế.

+ Số lượng thủ tục hành chính liên quan đến thuế được thực hiện thông qua cổng dịch vụ công.

c) Đưa ra các sáng kiến hoàn thiện, đổi mới đề án

Việc đưa ra sáng kiến trong quá trình thực hiện đề án giúp việc tối ưu hóa quy trình và nâng cao hiệu quả triển khai. Sáng kiến có thể bao gồm các giải pháp cải tiến các nội dung như: về công tác tuyên truyền, công tác triển khai đề án, công tác phối hợp, công tác giám sát và đánh giá. Những ý tưởng sáng tạo không chỉ giúp rút ngắn thời gian thực hiện và giảm thiểu nguồn lực mà còn đảm bảo các mục tiêu đề án được đạt hiệu quả cao nhất.

Để khuyến khích sáng kiến, cần tạo môi trường làm việc linh hoạt, nơi cán bộ, công chức có thể đề xuất giải pháp và được ghi nhận công sức khi đóng góp vào thành

công của đề án. Các sáng kiến xuất sắc cần được thử nghiệm và áp dụng, đồng thời có thể lan tỏa thành kinh nghiệm để những đơn vị khác tham khảo và góp phần chung vào thành công của đề án.

1.2.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến tổ chức thực hiện đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia tại chi cục thuế

1.2.4.1. Nhân tố thuộc về chi cục thuế

Năng lực, quan điểm của lãnh đạo chi cục thuế: Trong mọi hoạt động, vai trò của người lãnh đạo là vô cùng quan trọng, ảnh hưởng quyết định đến sự thành công hay thất bại của các kế hoạch. Nếu việc thực hiện không nhận được sự chỉ đạo quyết liệt cũng như sự hỗ trợ từ lãnh đạo thì tổ chức thực hiện đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia tại chi cục thuế sẽ không thể hiệu quả.

Đội ngũ cán bộ thực hiện: Việc triển khai đề án đều được thực hiện thông qua đội ngũ cán bộ. Đội ngũ cán bộ có kỹ năng trình độ cao về công nghệ thông tin sẽ giúp việc tổ chức thực hiện đề án một cách có hiệu quả nhất. Tuy nhiên nếu không được đào tạo một cách bài bản đội ngũ cán bộ thực hiện sẽ gặp khó khăn và cản trở trong quá trình thực hiện đề án. Như vậy có thể nói đội ngũ cán bộ công chức thuế là nhân tố giữ vai trò chủ đạo thực hiện đề án.

Về hạ tầng công nghệ thông tin: Trang thiết bị công nghệ thông tin cần được trang bị đầy đủ, đảm bảo cơ sở ứng dụng thông suốt trong quá trình tổ chức thực hiện. Nếu không được cung cấp đầy đủ trang thiết bị hoặc cơ sở ứng dụng thông suốt trong quá trình sẽ gây khó khăn, chậm trễ trong quá trình tổ chức thực hiện Đề án tại chi cục thuế.

1.2.4.2. Nhân tố thuộc bên ngoài chi cục thuế

Môi trường chính trị pháp lý: Cơ cấu tổ chức từ trung ương đến địa phương đóng vai trò then chốt trong việc chỉ đạo và thực hiện đề án. Nếu bộ máy quản lý hoạt động linh hoạt, quyết đoán và phê duyệt kế hoạch một cách nhanh chóng và phù hợp, việc triển khai đề án sẽ diễn ra hiệu quả và nhanh chóng hơn. Những thay đổi về bối cảnh chính trị và chế độ có thể ảnh hưởng đến các yếu tố đảm bảo điều kiện thực hiện đề án.

Môi trường kinh tế - xã hội: Điều kiện kinh tế - xã hội cũng có tác động không nhỏ đến việc tổ chức thực hiện đề án. Người dân có điều kiện kinh tế tốt có thể tiếp

cận tốt hơn với thông tin liên quan đến đề án. Với người dân có thu nhập thấp hay các hộ nghèo hoặc cận nghèo có thể ảnh hưởng lớn việc tiếp cận thông tin cũng như việc tổ chức thực hiện Đề án tại địa phương.

Môi trường công nghệ: Công tác tổ chức thực hiện đề án có yêu cầu khá cao về công nghệ thông tin đối với người dân. Đối với người dân có trình độ cao thì việc tiếp cận công nghệ thông tin không có gì trở ngại. Tuy nhiên, nhiều người dân không có điều kiện để tiếp cận, làm quen với công nghệ, nhất là ở các địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa.

Môi trường tự nhiên: Địa bàn thực hiện đề án bao gồm cả khu vực thành thị và nông thôn. Đặc điểm về địa lý và điều kiện tài nguyên cũng sẽ ảnh hưởng tới việc tổ chức thực hiện đề án. Với người dân ở khu vực thành thị sẽ dễ dàng tiếp cận thông tin cùng phối hợp trong công tác tổ chức thực hiện đề án. Nhưng với những người dân ở khu vực vùng núi, nông thôn sẽ có trở ngại nhất định trong việc tuyên truyền, hỗ trợ người dân trong quá trình tổ chức thực hiện đề án.

Trình độ của người dân: Trình độ nhận thức và khả năng công nghệ thông tin của người dân có thể gây ảnh hưởng tới việc thực hiện đề án. Khi người dân tiếp cận nhanh chóng các dịch vụ công trực tuyến thì thủ tục hành chính sẽ được đơn giản hóa, đồng thời bảo mật thông tin cá nhân được tăng cường. Nếu trình độ của người dân còn kém sẽ gây khó khăn trong việc sử dụng các dịch vụ công trực tuyến cũng như có thể sẽ gây mất an toàn thông tin do kém hiểu biết.

Ý thức chấp hành của người dân: Ý thức chấp hành của người dân trong quá trình tổ chức thực hiện đề án cũng đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo thực hiện đề án được thành công. Nếu người dân sẵn lòng cung cấp thông tin và phối hợp với việc tổ chức thực hiện đề án sẽ giúp việc tổ chức thực hiện đề án diễn ra dễ dàng và nhanh chóng. Tuy nhiên nếu người dân có trình độ nhận thức kém, không phối hợp trong quá trình tổ chức thực hiện có thể sẽ gây cản trở đội ngũ cán bộ trong quá trình thực hiện đề án.

CHƯƠNG 2

PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG DỮ LIỆU VỀ DÂN CƯ, ĐỊNH DANH VÀ XÁC THỰC ĐIỆN TỬ PHỤC VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA TẠI CHI CỤC THUẾ KHU VỰC II, TỈNH LẠNG SƠN GIAI ĐOẠN 2023-2024

2.1. Khái quát về đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia được triển khai tại Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn

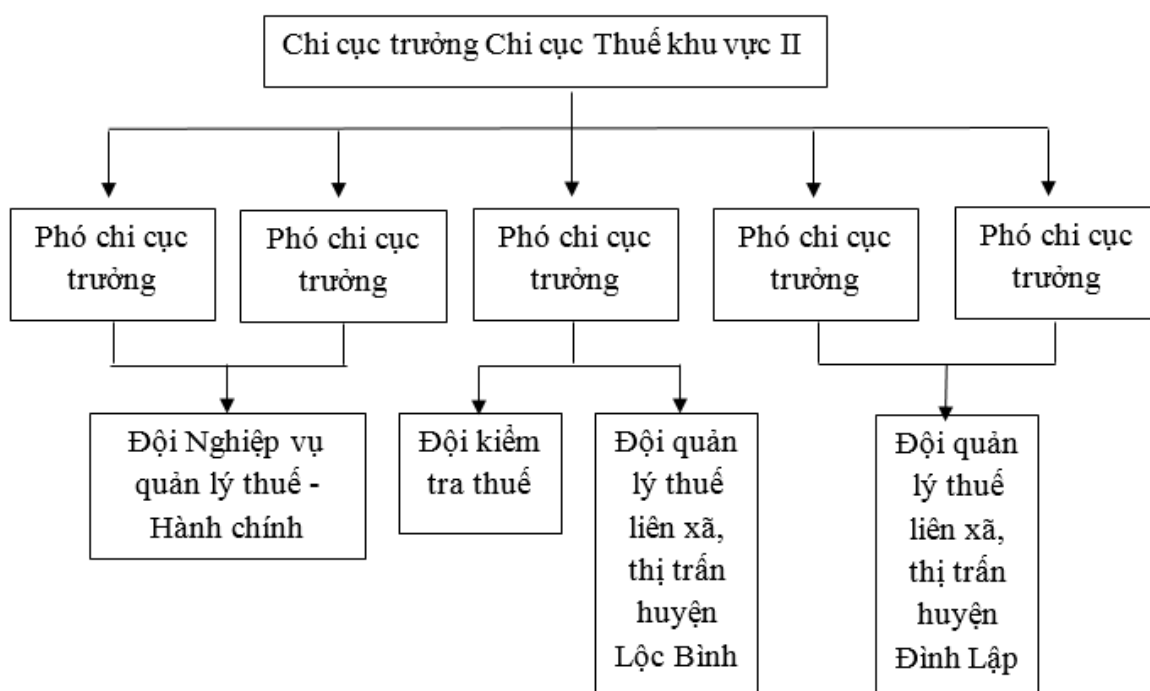
2.1.1. Chi cục Thuế khu vực II

Huyện Lộc Bình nằm ở vùng miền núi biên giới của tỉnh Lạng Sơn, với diện tích tự nhiên lên đến 986,43 km². Huyện nằm ở phía Đông Nam tỉnh, cách thành phố Lạng Sơn khoảng 23 km qua Quốc lộ 4B, hướng đi từ Lạng Sơn đến Quảng Ninh. Huyện có đường biên giới giáp Trung Quốc dài 28,89 km. Hệ thống giao thông tại đây khá hoàn chỉnh, bao gồm quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ và các đường xã, tạo điều kiện thuận lợi cho việc vận chuyển hàng hóa, sản xuất và giao thương của người dân trong huyện và các khu vực xung quanh.

Dân số của huyện Lộc Bình tính đến năm 2023 là 93.228 người, có 06 dân tộc chủ yếu là Tày, Nùng, Kinh, Dao, Hoa, Sán Chi. Theo thống kê của UBND huyện Lộc Bình tính đến cuối năm 2023, Lộc Bình có tổng 21.642 hộ dân cư, trong đó có 87.118 nhân khẩu. Tổng hộ nghèo, cận nghèo của Lộc Bình là 3.182 hộ (chiếm tỷ lệ 14,7%). Huyện Lộc Bình có 21 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc gồm 02 thị trấn với 201 thôn, khu phố.

Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn là cơ quan quản lý thu thuế trên địa bàn hai huyện Lộc Bình và Đình Lập, thuộc Cục Thuế tỉnh Lạng Sơn. Theo Quyết định số 780/QĐ-BTC ngày 10/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, chi cục thuế khu vực được thành lập trên cơ sở hợp nhất các chi cục trực thuộc Cục Thuế tỉnh Lạng Sơn. Chi cục Thuế khu vực II được hợp nhất bởi Chi cục Thuế huyện Lộc Bình và Chi cục Thuế huyện Đình Lập, là tổ chức trực thuộc Cục thuế tỉnh Lạng Sơn.

Bộ máy quản lý thuế của Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn được thực hiện theo Quyết định số 110/QĐ-BTC ngày 14/01/2019 của Bộ Tài chính. Cơ cấu tổ chức bộ máy của Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn được thể hiện theo hình dưới đây:



(Nguồn: Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn)

Hình 2.1. Sơ đồ bộ máy tổ chức tại Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn

- Ban lãnh đạo bao gồm có 01 chi cục trưởng, 05 phó chi cục trưởng: Có trách nhiệm chỉ đạo chung và toàn diện các nhiệm vụ, công tác của chi cục thuế, chỉ đạo đội thuế thực hiện nhiệm vụ theo quy định và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện các công việc này.

- Đội Nghiệp vụ quản lý thuế - Hành chính gồm 13 người: có nhiệm vụ thực hiện các công tác tuyên truyền; kê khai quản lý thuế; thực hiện công tác pháp chế về thuế thuộc phạm vi chi cục thuế; xây dựng và tổ chức thực hiện dự toán thu ngân sách nhà nước đối với chi cục thuế; xử lý công tác kiểm tra nội bộ, giải quyết khiếu nại thuộc thẩm quyền cơ quan thuế; quản lý thu lệ phí trước bạ và các khoản thu khác về đất; thực hiện công tác hành chính, văn thư, lưu trữ; công tác quản lý nhân sự; quản lý tài chính, quản trị; quản lý ấn chỉ trong phạm vi chi cục thuế quản lý.

- Đội kiểm tra thuế gồm 4 người: thực hiện công tác kiểm tra, giám sát kê khai thuế; giải quyết tố cáo liên quan đến người nộp thuế; thực hiện công tác quản lý nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế.

- Đội quản lý thuế liên xã, thị trấn huyện Lộc Bình gồm 7 người: Thực hiện quản lý thu thuế đối với các hộ kinh doanh trên địa bàn các xã, thị trấn thuộc huyện Lộc Bình.

- Đội quản lý thuế liên xã, thị trấn huyện Đình Lập gồm 13 người: Do địa bàn huyện Đình Lập cách trụ sở chính 30km, để tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế, đội quản lý thuế liên xã, thị trấn huyện Đình Lập thực hiện cả chức năng tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế “một cửa” tại địa bàn huyện Đình Lập đồng thời quản lý thu thuế đối với các hộ kinh doanh trên địa bàn các xã, thị trấn thuộc huyện Đình Lập.

Trong giai đoạn năm 2022-2024 Chi cục Thuế khu vực II có sự thay đổi về nhân sự khá là lớn do việc luân chuyển, điều động và về hưu cũng như tuyển dụng nhân sự mới.

Bảng 2.1. Nhân lực của Chi cục Thuế khu vực II giai đoạn năm 2022-2024

Đơn vị tính: người

STT	Tiêu chí	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Tổng số người		45	42	43
I	Cấp độ đào tạo			
1.1	Thạc sĩ	2	2	2
1.2	Cử nhân	26	27	28
1.3	Cao đẳng	4	4	4
1.4	Trung cấp	13	9	9
II	Chuyên ngành			
2.1	Tài chính, kinh tế, kế toán	35	34	35
2.2	Luật	2	2	2
2.3	Chuyên ngành khác	8	6	6
III	Thời gian công tác			
3.1	< 5 năm	10	10	13
3.2	5-10 năm	4	4	4
3.3	>10 năm	31	28	26

(Nguồn: Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn)

Trong giai đoạn 2022-2024, thông qua tuyển dụng, chi cục thuế đã bổ sung khá nhiều công chức trẻ, trình độ cao bổ sung vào nguồn nhân lực, đáp ứng tốt các yêu cầu, nhiệm vụ trong quá trình chuyển đổi số. Mặc dù tổng số nhân sự tương đối

ổn định, nhưng thực tế cho thấy số lượng nhân viên có thâm niên công tác trên 10 năm có chiều hướng giảm, điều này có thể gây ra sự thiếu hụt kinh nghiệm quý giá trong tổ chức do tình trạng nghỉ hưu gia tăng. Các nhân sự chuyên ngành tài chính, kinh tế và kế toán chiếm đa số, nhân sự các ngành này luôn đáp ứng tốt các yêu cầu ngày càng phức tạp trong lĩnh vực thuế. Đồng thời được bổ sung thêm nhiều nhân sự có trình độ từ cử nhân trở lên do nhu cầu tuyển dụng của ngành thuế đã được nâng cao hơn so với các giai đoạn trước.

2.1.2. Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia được tổ chức thực hiện tại chi cục thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn

Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 06/QĐ-TTg phê duyệt đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030”. Đề án xác định bảy quan điểm chỉ đạo chủ yếu, kèm theo một mục tiêu tổng quát và các mục tiêu cụ thể. Bên cạnh đó, Đề án đưa ra năm nhóm nhiệm vụ và giải pháp thực hiện, cùng với lộ trình chi tiết cho từng nhiệm vụ trong năm 2022 và giai đoạn 2023-2025, hướng đến năm 2030. Đặc biệt, Đề án đã xác định 25 thủ tục hành chính thiết yếu ưu tiên để tích hợp và chia sẻ dữ liệu dân cư nhằm phục vụ việc giải quyết thủ tục hành chính, đồng thời phân công rõ ràng 52 nhiệm vụ cụ thể, xác định trách nhiệm và thời gian hoàn thành để đảm bảo tiến độ thực hiện.

Trong việc thực hiện Đề án 06, Tổng cục Thuế có trách nhiệm đảm bảo kết nối, tích hợp và chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Cơ sở dữ liệu thuế. Tổng cục Thuế chịu trách nhiệm xây dựng các giải pháp kỹ thuật, phối hợp với các bộ, ngành liên quan như Bộ Công an và Văn phòng Chính phủ để xác thực thông tin người nộp thuế, qua đó nâng cao hiệu quả quản lý thuế và hỗ trợ quá trình chuyển đổi số quốc gia. Tổng cục Thuế chỉ đạo và hướng dẫn việc triển khai các hệ thống định danh, xác thực điện tử tại các đơn vị thuế trên toàn quốc.

Đối với Cục Thuế tỉnh Lạng Sơn, nhiệm vụ chính là thực hiện việc áp dụng các giải pháp công nghệ mà Tổng cục Thuế đã xây dựng, đồng thời đảm bảo việc kết nối và chia sẻ dữ liệu thuế với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư diễn ra suôn sẻ. Cục Thuế cấp tỉnh cũng có vai trò quản lý, giám sát hoạt động của các Chi cục Thuế cấp huyện trong việc thực hiện thủ tục hành chính thuế, đặc biệt là công tác xác thực thông tin NNT, đăng ký thuế, và thay đổi thông tin đăng ký thuế theo quy trình số hóa.

Chi cục Thuế khu vực II là nơi triển khai trực tiếp các dịch vụ công liên quan đến thuế cho người nộp thuế. Nhiệm vụ của chi cục thuế là kiểm tra, rà soát thông tin trên hệ thống thuế đã được đồng bộ với hệ thống định danh và xác thực điện tử để qua sự kết hợp giữa hai hệ thống sẽ giúp giải quyết nhanh chóng và chính xác các thủ tục thuế, từ đăng ký thuế đến xử lý hồ sơ thay đổi thông tin thuế. Ngoài ra, chi cục thuế còn có trách nhiệm hướng dẫn người nộp thuế sử dụng các dịch vụ công trực tuyến, góp phần vào việc giảm thiểu thời gian xử lý và tối ưu hóa quy trình làm việc tại cơ sở.

Bảng 2.2. Nhiệm vụ của chi cục thuế trong thực hiện Đề án

STT	Nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Chi tiêu đo lường
1	Thu thập dữ liệu dân cư	2023-2024	100% các thông tin của người dân trên hệ thống được chuẩn hoá.
		2024-2030	100% các thông tin người dân được đưa vào hệ thống chính xác.
2	Phối hợp với các cơ quan liên quan	2023-2025	Đảm bảo phối hợp chặt chẽ với các đơn vị liên quan, hoàn thành 90% nhiệm vụ phối hợp
		2025-2030	Duy trì và nâng cao hiệu quả phối hợp, hoàn thành 100% các yêu cầu phối hợp
3	Tuyên truyền cho người dân	2023-2024	100% người dân trên địa bàn huyện nắm được thông tin về Đề án.
		2024-2030	Đảm bảo tiếp cận 100% người dân mới làm CCCD, tổ chức mới.
4	Thanh tra kiểm tra	2023-2025	Tối thiểu 90% các quy trình thực hiện đạt yêu cầu.

		2025-2030	Tăng cường giám sát, đạt tỷ lệ 100% các quy trình đúng quy định
5	Tổ chức thực hiện	2023-2024	Hoàn thành 80% các hạng mục theo kế hoạch
		2024-2030	Đạt tỷ lệ hoàn thành 100% các hạng mục theo kế hoạch

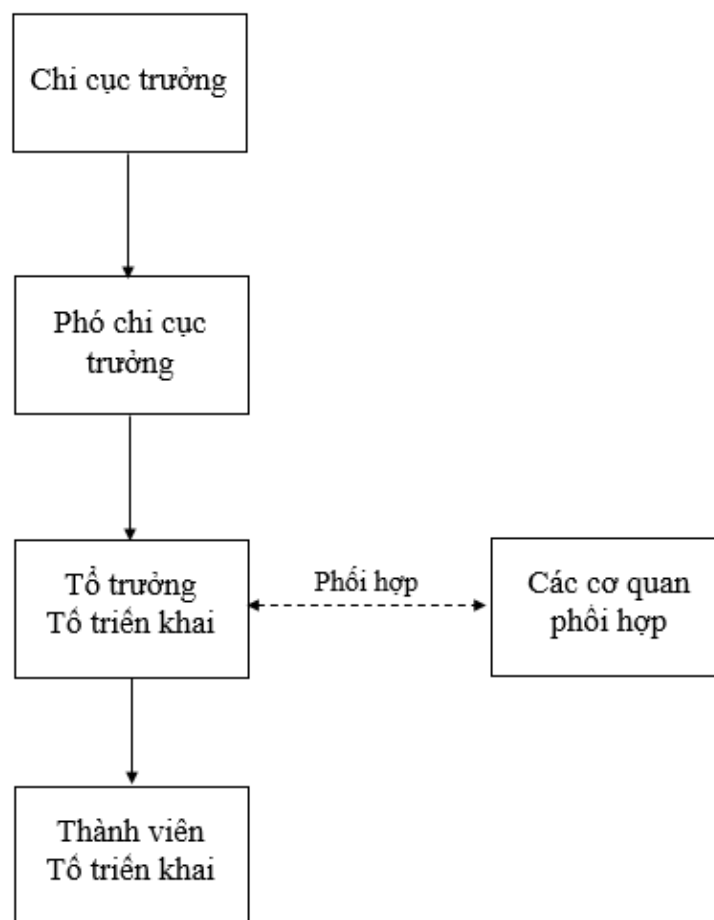
(Nguồn: Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn)

Bảng trên thể hiện nhiệm vụ của chi cục thuế theo từng giai đoạn thực hiện Đề án từ 2023 đến 2030, bao gồm thu thập dữ liệu dân cư, phối hợp liên ngành, tuyên truyền đến người dân, thanh tra kiểm tra, và tổ chức thực hiện. Mỗi nhiệm vụ được chia thành hai giai đoạn chính với các chỉ tiêu đo lường cụ thể, giúp dễ dàng theo dõi quá trình thực hiện và mức độ hoàn thành. Các chỉ tiêu đặt ra tăng dần qua các giai đoạn, đặc biệt trong giai đoạn 2025-2030, nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả triển khai. Các nhiệm vụ được phân chia rõ ràng, cụ thể cùng chỉ tiêu đo lường, giúp dễ dàng kiểm soát và đánh giá tiến độ.

2.2. Thực trạng tổ chức thực hiện đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia tại Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2023-2024

2.2.1. Thực trạng chuẩn bị triển khai Đề án

* Xây dựng bộ máy thực hiện đề án



(Nguồn: Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn)

Hình 2.2. Sơ đồ bộ máy thực hiện Đề án

- Chi cục trưởng: Chỉ đạo chung và toàn diện các nhiệm vụ tổ chức thực hiện đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia của Chi cục Thuế khu vực II.

- Phó Chi cục trưởng: Tiếp nhận các nội dung triển khai từ Tổng cục Thuế, Cục Thuế tỉnh Lạng Sơn, đôn đốc và chỉ đạo Tổ triển khai phối hợp cùng Cán bộ Công an. Đồng thời chỉ đạo phối hợp với các cơ quan liên quan để thực hiện đề án, xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai. Đồng thời, Phó Chi cục trưởng phải báo cáo kết quả triển khai và các khó khăn gặp phải trong quá trình thực hiện đề án.

- Tổ trưởng Tổ triển khai: Thực hiện các công việc do Phó Chi cục trưởng phân công, chỉ đạo. Phối hợp với tổ triển khai của Tổng cục Thuế cũng như của Cục Thuế tỉnh Lạng Sơn đảm bảo hệ thống ứng dụng sẵn sàng cho triển khai, báo cáo kết quả triển khai.

- Tổ triển khai: Thực hiện các nhiệm vụ do Tổ trưởng phân công. Phối hợp với Cán bộ Công an thực hiện rà soát dữ liệu. Phối hợp cùng các cơ quan liên quan để tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ NNT kê khai thay đổi thông tin đăng ký thuế.

- Các cơ quan liên quan: Phối hợp cùng Chi cục Thuế khu vực II tiến hành tuyên truyền, hỗ trợ, hướng dẫn, rà soát dữ liệu NNT kê khai cập nhật, thay đổi, bổ sung thông tin trên MST.

Bảng 2.3. Nhân lực tổ chức thực hiện Đề án tại Chi cục Thuế khu vực II

STT	Tiêu chí	Đợt 1 năm 2023	Đợt 2 năm 2023	Đợt 1 năm 2024
Tổng số người		6	10	10
I	Cấp độ đào tạo			
1.1	Thạc sĩ	0	1	2
1.2	Cử nhân	6	9	8
II	Chuyên ngành			
2.1	Tài chính, kinh tế, kế toán	3	6	7
2.2	Luật	2	2	1
2.3	Chuyên ngành khác	1	2	2
III	Thời gian công tác			
3.1	< 5 năm	3	7	7
3.2	5-10 năm	1	1	1
3.3	>10 năm	2	2	2

(Nguồn: Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn)

Nhân lực cho Đề án 06 tại Chi cục Thuế khu vực II đã được tăng cường qua từng đợt, từ 6 người trong đợt 1 năm 2023 lên đến 10 người vào đợt 1 năm 2024. Điều này thể hiện sự đầu tư mạnh mẽ vào nhân sự để đáp ứng yêu cầu triển khai đề án. Đội ngũ nhân sự có sự phát triển cả về số lượng lẫn trình độ, với số lượng thạc sĩ tăng dần và tập trung chủ yếu vào các chuyên ngành tài chính, kinh tế, kế toán. Phần lớn nhân sự thuộc nhóm dưới 5 năm kinh nghiệm, tạo nên sự năng động, linh hoạt trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ của đề án. Tuy nhiên, số nhân sự có kinh nghiệm trên 10 năm còn thấp không tăng qua các đợt, điều này có thể ảnh hưởng đến việc triển khai đề án do nhân sự còn thiếu kinh nghiệm làm việc với người dân.

b) Lập kế hoạch

Tại Chi cục Thuế khu vực II, kế hoạch tổng thể không có biểu hiện rõ ràng mà căn bản dựa vào các nhiệm vụ của đề án. Kế hoạch hàng năm được xem xét và trình lên chi cục trưởng phê duyệt tổ chức thực hiện.

Kế hoạch cụ thể được xây dựng dựa trên cơ sở kế hoạch hàng năm đã được phê duyệt, đảm bảo các mục tiêu và nhiệm vụ được triển khai theo đúng lộ trình và yêu cầu đề ra. Việc lập kế hoạch cụ thể giúp định hướng rõ ràng các bước thực hiện, phân công nhiệm vụ cho từng bộ phận và xác định các nguồn lực cần thiết, nhằm đảm bảo tiến độ và hiệu quả cao nhất trong quá trình thực hiện.

Bảng 2.4. Kế hoạch hàng năm về tổ chức thực hiện đề án 06 tại Chi cục Thuế khu vực II

STT	Nội dung	ĐVT	Đợt 1 năm 2023	Đợt 2 năm 2023	Đợt 1 năm 2024
1	Số lượng MST cần rà soát	MST	3.000	4.000	4.000
2	Hội nghị đánh giá thực trạng	Cuộc	01	02	02
3	Gửi văn bản phối hợp	CV	04	02	04
4	Hội nghị sơ kết	Cuộc	01	01	01
5	Tập huấn nâng cao năng lực cán bộ	Lớp	02	01	02

(Nguồn: Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn)

Bảng trên thể hiện các nhiệm vụ cần thực hiện theo từng đợt từ năm 2023 đến đầu năm 2024, bao gồm các chỉ tiêu cụ thể về rà soát mã số thuế, tổ chức hội nghị, gửi văn bản phối hợp, tổ chức hội nghị sơ kết và tập huấn nâng cao năng lực cán bộ. Nhìn chung, bảng đã lập rõ các nội dung công việc và mục tiêu cụ thể cho từng đợt, giúp theo dõi tiến độ và mức độ hoàn thành của từng nhiệm vụ.

Các chỉ tiêu được thể hiện rõ ràng, đặc biệt với số lượng MST cần rà soát và số cuộc hội nghị, lớp tập huấn cần thực hiện. Phân bổ công việc đều đặn qua các đợt, đảm bảo các hoạt động được triển khai theo từng giai đoạn mà không gây quá tải. Tuy nhiên, số lượng các hoạt động như hội nghị, văn bản phối hợp và tập huấn

có biến động giữa các đợt, có thể gây khó khăn cho việc duy trì nhịp độ làm việc liên tục.

c) Ra văn bản hướng dẫn

Trong quá trình tổ chức thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia tại Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn, đã có các văn bản hướng dẫn và phối hợp cụ thể được ban hành. Những văn bản này nhằm đảm bảo việc triển khai đề án được thực hiện đúng đắn và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, đồng thời tạo ra sự liên kết chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị tham gia để đạt được mục tiêu đề ra.

Bảng 2.5. Các văn bản đã ban hành trong việc tổ chức thực hiện đề án 06 tại Chi cục Thuế khu vực II

STT	Tên văn bản	Nội dung	Đợt 1 năm 2023	Đợt 2 năm 2023	Đợt 1 năm 2024
1	Văn bản hướng dẫn sử dụng hệ thống	Văn bản hướng dẫn sử dụng các chức năng hệ thống có trên phần mềm cho người sử dụng.	x		
2	Văn bản hướng dẫn rà soát	Văn bản hướng dẫn thực hiện rà soát chuẩn hóa dữ liệu mã số thuế cá nhân.	x	x	
3	Văn bản hướng dẫn đồng bộ	Văn bản hướng dẫn cách đồng bộ các thông tin của thuế với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.	x		
4	Công văn phối hợp cung cấp thông tin	Văn bản yêu cầu phối hợp cung cấp thông tin tới các ban ngành khác.	x	x	x
5	Công văn cử công chức phối hợp rà soát	Văn bản yêu cầu phối hợp rà soát thông tin trên hệ thống của cơ quan ban ngành khác với các số liệu chưa đồng bộ.	x	x	

(Nguồn: Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn)

Văn bản hướng dẫn sử dụng hệ thống và văn bản hướng dẫn đồng bộ được phát hành, nhằm cung cấp hướng dẫn cho người sử dụng các bước sử dụng hệ thống rà soát và tra cứu MST và đảm bảo hệ thống đồng bộ dữ liệu thuế với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để tiện cho người sử dụng thực hiện đề án. Văn bản hướng dẫn rà soát và công văn cử công chức phối hợp rà soát được ban hành để hướng dẫn quy trình rà soát và chuẩn hóa dữ liệu mã số thuế cá nhân, cũng như phối hợp giữa các cơ quan ban ngành liên quan nhằm xử lý số liệu chưa đồng bộ. Đặc biệt, công văn phối hợp cung cấp thông tin đã được ban hành trong cả ba đợt, nhấn mạnh sự cần thiết của việc hợp tác liên ngành để cung cấp thông tin kịp thời và đầy đủ.

Các công văn, văn bản vẫn là công cụ chính để truyền tải tin tức giữa các cấp và các cơ quan ban ngành. Tuy nhiên, số lượng văn bản được ban hành qua các giai đoạn không chỉ không được tăng thêm mà còn bị giảm thiểu sẽ gây khó khăn trong việc trao đổi thông tin giữa đơn vị các cấp cùng các cơ quan liên quan trong quá trình thực hiện đề án. Hơn nữa, các văn bản hướng dẫn thực hiện còn chưa được cụ thể do chưa nắm được tình hình thực tế có thể tạo ra sự hiểu lầm hoặc thực hiện sai quy trình.

d) Tổ chức tập huấn

Việc tổ chức thực hiện Đề án tại Chi cục Thuế khu vực II được thực hiện tại CCT với đối tượng được tập huấn là các thành viên của tổ triển khai. Nội dung chủ đạo của các buổi tập huấn chủ yếu là phổ biến văn bản liên quan tới đề án cùng chỉ đạo của Tổng cục Thuế cũng như của Cục Thuế, đảm bảo các thành viên nắm rõ các điều cần biết khi thực hiện đề án. Ngoài ra các buổi tập huấn cũng tổng hợp lại số lượng cần rà soát cũng như hướng dẫn thành viên trong tổ các thức thực hiện.

Bảng 2.6. Kết quả tập huấn về tổ chức thực hiện đề án 06 tại Chi cục Thuế khu vực II

Đơn vị tính: buổi

STT	Nội dung	Hình thức	Đợt 1 năm 2023	Đợt 2 năm 2023	Đợt 1 năm 2024
1	Tập huấn phổ biến các văn bản liên quan	Trực tuyến	1	1	1
2	Tập huấn về việc lập danh sách rà soát	Trực tiếp	1	1	0

3	Tập huấn về việc cập nhật MST đã rà soát lên hệ thống	Trực tuyến	1	0	0
---	---	------------	---	---	---

(Nguồn: Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn)

Các nội dung tập huấn được tổ chức đều đặn, cho thấy sự chú trọng đến việc cập nhật kiến thức và kỹ năng cho cán bộ. Cả 3 nội dung đều cần có ít nhất một đợt tập huấn trong các giai đoạn, đảm bảo việc tổ chức thực hiện đề án được hiệu quả.

Các buổi tập huấn phổ biến văn bản và cập nhật mã số thuế được tổ chức trực tuyến, phù hợp với các nội dung dễ tiếp cận qua hình thức này. Trong khi đó, tập huấn lập danh sách rà soát lại được thực hiện trực tiếp, do đòi hỏi sự tương tác cao hơn và hướng dẫn chi tiết hơn hỗ trợ thực hiện đề án có hiệu quả.

Đợt 1 năm 2024, chỉ có một đợt tập huấn trực tuyến về phổ biến văn bản, trong khi các nội dung quan trọng như lập danh sách rà soát và cập nhật MST không được tổ chức. Điều này có thể dẫn đến hạn chế trong việc duy trì sự chính xác và kịp thời của quá trình rà soát và cập nhật. Việc giảm tần suất tập huấn có thể làm chậm tiến độ, thiếu sót trong việc cập nhật kiến thức, đặc biệt khi có sự thay đổi hoặc phát sinh vấn đề mới cần giải quyết. Hơn nữa, thiếu các buổi hướng dẫn trực tiếp có thể gây khó khăn cho các cán bộ chưa nắm vững quy trình, ảnh hưởng đến hiệu quả tổng thể.

Hơn nữa các buổi tập huấn vẫn còn mang tính lý thuyết chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu và yêu cầu thực tiễn của công việc khiến cán bộ thực hiện thường gặp khó khăn trong việc tra soát thông tin, dẫn đến việc thực hiện đề án không đạt hiệu quả như mong đợi. Việc thiếu thông tin và hướng dẫn chi tiết trong các buổi tập huấn không chỉ ảnh hưởng đến sự tự tin của cán bộ mà còn có thể gây ra sai sót trong quá trình triển khai công việc.

Bảng 2.7. Phỏng vấn về thực trạng công tác chuẩn bị thực hiện đề án 06 tại Chi cục Thuế khu vực II

<p>Câu hỏi: Anh/chị đánh giá như thế nào về công tác chuẩn bị triển khai đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia” tại Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về xây dựng bộ máy tổ chức thực hiện. - Về lập kế hoạch tổ chức thực hiện Đề án.

- Về ban hành các văn bản.
- Về tổ chức tập huấn bồi dưỡng thực hiện đề án.

Trả lời:

- Không đủ nhân lực do các thành viên trong tổ triển khai thực hiện đề án 06 của chi cục thuế phải kiêm nhiệm nhiều việc chuyên môn nên tiến độ thực hiện cập nhật dữ liệu vào ứng dụng TMS chậm.
- Không đủ nhân lực hỗ trợ do cán bộ công an còn có nhiệm vụ khác trong thời gian thực hiện nên không thể hỗ trợ tối đa nguồn lực cho chi cục thuế.
- Kế hoạch rà soát được đưa ra khá gấp rút mà số lượng nhiều trong khi nhân lực mỏng, khó có thể đảm bảo tiến độ.
- Nội dung tập huấn vẫn còn rất chung chung, chưa có nội dung chi tiết để thực hiện, các buổi tập huấn có nhiều phần khó hiểu nên gây hoang mang khi thực hiện.

(Nguồn: Theo tác giả tổng hợp)

Qua những nhận xét trên có thể thấy quá trình chuẩn bị tổ chức triển khai đề án 06 tại Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn cho thấy nhiều hạn chế. Đa số đánh giá việc thiếu hụt nhân lực do các thành viên kiêm nhiệm nhiều công việc đã dẫn đến tiến độ cập nhật dữ liệu vào ứng dụng bị chậm, trong khi cán bộ công an cũng không thể hỗ trợ tối đa do phải thực hiện các nhiệm vụ khác. Kế hoạch rà soát gấp rút với số lượng lớn trong khi nhân lực mỏng khiến khó đảm bảo tiến độ. Nội dung tập huấn chung chung, thiếu cụ thể, khiến cán bộ gặp khó khăn trong việc áp dụng kiến thức vào thực tế. Tổng thể, công tác chuẩn bị cần có những điều chỉnh đáng kể để đạt hiệu quả cao hơn.

2.2.2. Thực trạng triển khai Đề án

Việc tổ chức thực hiện đề án 06 là nhiệm vụ chính trị, phạm vi rộng, liên quan trực tiếp đến các cá nhân làm công ăn lương, người phụ thuộc, chủ hộ kinh doanh và các cá nhân có giao dịch khác.

a) Tổ chức tuyên truyền

Công tác tuyên truyền Đề án 06 tại Chi cục Thuế khu vực II đã được triển khai phối hợp chặt chẽ với UBND huyện Lộc Bình, Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông huyện Lộc Bình, nhằm phổ biến rộng rãi đến người dân trên địa bàn huyện bằng nhiều hình thức khác nhau. Các hoạt động tuyên truyền bao gồm việc

thông báo tại các thôn xóm, tổ dân phố, qua các phương tiện truyền thông đại chúng, cũng như các kênh mạng xã hội. Nội dung tuyên truyền chủ yếu tập trung vào việc giải thích lý do và lợi ích của việc sử dụng mã số định danh cá nhân làm Mã số thuế, đồng thời hướng dẫn người dân cách thức trực tiếp cập nhật thông tin cá nhân qua các nền tảng điện tử, như Cổng dịch vụ công Quốc gia và Cổng thông tin điện tử của ngành thuế.

Nội dung tuyên truyền liên quan đến đề án 06 đã được triển khai qua nhiều hình thức khác nhau và kết quả tổ chức công tác tuyên truyền của chi cục thuế được tổng hợp ở bảng dưới đây:

Bảng 2.8. Kết quả tuyên truyền đề án 06 tại Chi cục Thuế khu vực II

TT	Hình thức tuyên truyền	Nội dung tuyên truyền	ĐVT	Đợt 1 năm 2023	Đợt 2 năm 2023	Đợt 1 năm 2024
1	Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin	Tuyên truyền về việc sử dụng mã số định danh cá nhân thay cho MST.	Lượt	5	5	5
2	Các chương trình phối hợp với cơ quan tuyên giáo	- Phổ biến về lợi ích của việc sử dụng mã số định danh cá nhân thay MST - Tăng cường sử dụng dịch vụ công trực tuyến trong các thủ tục về thuế.	Bài	1	0	1
3	Tài liệu, ấn phẩm tuyên truyền, hỗ trợ do Cục Thuế biên soạn	- Hướng dẫn NNT vào hệ thống thuế để cập nhật, bổ sung thông tin cá nhân. - Hướng dẫn NNT sử dụng mã số định danh thay MST để sử dụng các dịch vụ trực tuyến của thuế.	Lượt	50	50	50

4	Tuyên truyền lưu động (xe phát thanh)	<ul style="list-style-type: none"> - Tuyên truyền về việc sử dụng mã số định danh cá nhân thay cho MST theo chủ trương của đề án 06. - Tuyên truyền về các dịch vụ công trực tuyến mới trong thuế, cách sử dụng mã số định danh để thực hiện thủ tục thuế nhanh chóng, thuận tiện và an toàn theo đề án 06. 	Lướt	10	10	10
---	---------------------------------------	---	------	----	----	----

(Nguồn: Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn)

Nội dung tuyên truyền liên quan đến đề án 06 trong lĩnh vực thuế đã được triển khai qua nhiều hình thức khác nhau, bao gồm truyền thông đại chúng, phối hợp với cơ quan tuyên giáo, phát hành tài liệu, và tuyên truyền lưu động. Các hoạt động này tập trung vào việc hướng dẫn người nộp thuế sử dụng mã số định danh cá nhân thay cho mã số thuế và kê khai thuế điện tử, nhằm thúc đẩy quá trình chuyển đổi số. Đặc biệt, nội dung tuyên truyền qua các phương tiện truyền thông nhấn mạnh sự thay đổi trong quy trình nộp thuế, giúp người dân hiểu rõ hơn về cách thức thực hiện thủ tục thuế nhanh chóng và thuận tiện.

Chương trình phối hợp với cơ quan tuyên giáo đã làm nổi bật lợi ích của việc tích hợp mã số định danh trong các thủ tục hành chính, góp phần tăng cường sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Ngoài ra, tài liệu và ấn phẩm tuyên truyền cung cấp hướng dẫn chi tiết cho cá nhân và doanh nghiệp, hỗ trợ quá trình chuyển đổi sang khai thuế và nộp thuế trực tuyến.

Tuyên truyền lưu động thông qua xe phát thanh giúp tiếp cận trực tiếp người dân, đặc biệt là những đối tượng ít tiếp cận công nghệ, đảm bảo mọi đối tượng đều có thể nắm bắt và thực hiện đúng các quy định mới.

Nhờ các biện pháp tuyên truyền đồng bộ, nội dung liên quan đến đề án 06 đã dần thấm nhuần vào ý thức người dân, góp phần đẩy mạnh mục tiêu chuyển đổi số quốc gia. Tuyên truyền giúp thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong lĩnh vực thuế, khuyến khích người dân và doanh nghiệp sử dụng mã số định danh và dịch vụ công trực tuyến, phù hợp với các mục tiêu của đề án 06.

b) Triển khai hoạt động của Đề án

Triển khai việc rà soát, chuẩn hóa dữ liệu MST cá nhân, trong đó ưu tiên tập trung rà soát, chuẩn hóa dữ liệu MST cá nhân của các nhóm sau:

+ Nhóm 1: NNT là cá nhân có phát sinh thu nhập từ tiền lương, tiền công của các cơ quan chi trả trên bảng kê, tờ khai quyết toán thuế TNCN mà đang hoạt động tại cơ quan thuế quản lý.

+ Nhóm 2: NNT sử dụng đất phi nông nghiệp, có phát sinh giao dịch trên sổ thuế phi nông nghiệp.

+ Nhóm 3: NNT là hộ kinh doanh đang phát sinh nghĩa vụ nợ thuế hoặc nộp thừa tại thời điểm rà soát hoặc NNT là hộ kinh doanh đang hoạt động tại cơ quan thuế quản lý.

+ Nhóm 4: NNT là cá nhân khác không thuộc ba nêu trên nhưng có phát sinh nghĩa vụ thuế tại thời điểm rà soát.

+ Nhóm 5: NNT thuộc các trường hợp còn lại (không thuộc các nhóm nêu trên): cơ quan thuế chủ động rà soát khi NNT phát sinh các giao dịch với cơ quan thuế trong thực tế.

Cùng với đó các thành viên trong tổ triển khai được phân chia thành các nhóm nhỏ để thực hiện công tác rà soát theo từng địa bàn xã, thị trấn đảm bảo phạm vi kiểm tra được bao quát toàn diện và hiệu quả. Mỗi nhóm chịu trách nhiệm theo dõi, thu thập thông tin và cập nhật dữ liệu cụ thể tại địa bàn được phân công, giúp quá trình rà soát diễn ra nhanh chóng và đúng tiến độ. Việc chia nhỏ thành các nhóm theo địa bàn không chỉ tăng tính tập trung, chuyên sâu mà còn tạo điều kiện để xử lý các vấn đề phát sinh kịp thời và hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình làm việc, từ đó nâng cao chất lượng và tính chính xác của công tác rà soát.

Kết quả thu thuế thực hiện mục tiêu của Chi cục Thuế khu vực II theo từng giai đoạn được tổng hợp trong các bảng dưới đây:

Bảng 2.9. Kết quả thực hiện rà soát MST tại Chi cục Thuế khu vực II*Đơn vị tính: mã số thuế*

Nhóm	Số liệu cần rà soát	Đã rà soát			Còn lại
		Đợt 1 năm 2023	Đợt 2 năm 2023	Đợt 1 năm 2024	
Nhóm 1	340	56	43	241	0
Nhóm 2	8.394	1.960	3.147	3.147	140
Nhóm 3	106	6	0	100	0
Nhóm 4	191	70	5	116	0
Nhóm 5	2.413	112	25	1.908	368
Tổng:	11.444	2.204	3.220	5.512	508

(Nguồn: Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn)

Bảng số liệu cho thấy tiến độ rà soát chi tiết của 5 nhóm mã số thuế với tổng cộng 11.444 MST cần rà soát trong 3 giai đoạn. Đến hết Đợt 1 năm 2024, đã rà soát được 10.936 MST, còn lại 508 MST (khoảng 4,4% tổng số). Trong đó, các MST theo nhóm 1, 3, và 4 đã hoàn thành toàn bộ số mục cần rà soát. Nhóm 2 có khối lượng MST cần rà soát nhiều nhất cũng đã rà soát gần như toàn bộ số lượng chỉ còn lại 140 MST (khoảng 1,7%). Tuy nhiên, Nhóm 5 còn lại nhiều nhất với 368 mục chưa hoàn thành (khoảng 15,2%).

Nhìn chung, tiến độ rà soát được thực hiện đều đặn qua các đợt, với phần lớn số liệu được xử lý trong Đợt 1 năm 2024. Tuy nhiên, cần bổ sung thêm nguồn lực để hoàn thành các mục còn lại đảm bảo việc rà soát được hoàn tất và không ảnh hưởng tới các giai đoạn tiếp theo. Các nhóm đã hoàn thành cần được ghi nhận và duy trì hiệu suất để đảm bảo tiến độ cho dự án sau này.

c) Phối hợp hoạt động

Trong quá trình triển khai Đề án 06, việc phối hợp giữa chi cục thuế và các cơ quan liên quan đóng vai trò quan trọng để đảm bảo hiệu quả. Chi cục thuế thực hiện phối hợp chặt chẽ với các đơn vị như công an, UBND cũng như Trung tâm Văn hóa,

Thể thao và truyền thông huyện Lộc Bình nhằm thu thập dữ liệu, chia sẻ thông tin kịp thời, hỗ trợ lẫn nhau trong công tác thực hiện Đề án.

Bảng 2.10. Kết quả phối hợp với các cơ quan liên quan

Đơn vị tính: lượt

STT	Nội dung	Hình thức	Đợt 1 năm 2023	Đợt 2 năm 2023	Đợt 1 năm 2024
<i>I</i>	<i>Công an huyện Lộc Bình</i>				
1.1	Phối hợp cung cấp thông tin	Văn bản	1	1	0
1.2	Phối hợp rà soát dữ liệu	Trực tiếp	24	44	42
<i>II</i>	<i>UBND huyện Lộc Bình</i>				
2.1	Phối hợp cung cấp thông tin	Văn bản	1	1	1
2.2	Phối hợp tuyên truyền	Văn bản	1	0	1
<i>III</i>	<i>Trung tâm Văn hóa, Thể thao và truyền thông huyện Lộc Bình</i>				
3.1	Phối hợp tuyên truyền	Văn bản	1	1	1

(Nguồn: Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn)

Bảng kết quả trên cho thấy sự phối hợp giữa Chi cục Thuế khu vực II và các cơ quan tại huyện Lộc Bình tập trung vào các hoạt động như cung cấp thông tin, rà soát dữ liệu và tuyên truyền.

Chi cục thuế khu vực II đã phối hợp với Công an huyện Lộc Bình trong việc rà soát dữ liệu trực tiếp khá thường xuyên cho thấy công tác rà soát diễn ra liên tục và đạt hiệu quả cao, đáp ứng nhu cầu xử lý dữ liệu. Việc phối hợp cung cấp thông tin qua văn bản với Công an huyện diễn ra trong hai đợt đầu tuy nhiên thông tin được cung cấp có phần không hiệu quả nên ở đợt 1 năm 2024 chi cục thuế tập trung vào việc rà soát trực tiếp.

UBND huyện Lộc Bình rất phối hợp trong việc cung cấp thông tin qua văn bản qua cả ba đợt, đảm bảo hỗ trợ tốt cho các hoạt động quản lý và xử lý dữ liệu. Chi cục thuế cũng phối hợp cùng UBND trong việc lồng ghép tuyên truyền về tổ chức

thực hiện đề án 06 tại cơ quan thuế cùng các kế hoạch tuyên truyền khác về đề án của UBND huyện Lộc Bình.

Chi cục Thuế khu vực II tập trung phối hợp với Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông huyện Lộc Bình để tuyên truyền về đề án 06 qua nhiều phương tiện truyền thông chính thống tại địa bàn để phổ biến việc tổ chức đề án 06 đến từng thôn, xóm, và từng người dân.

d) Đàm phán và giải quyết xung đột

Trong quá trình tổ chức thực hiện đề án 06 các cán bộ công chức tiến hành thực hiện không dẫn khởi sự khác biệt về tư tưởng và phương thức thực hiện dẫn đến một số xung đột được tổng hợp trong bảng sau:

Bảng 2.11. Các xung đột và kết quả giải quyết xung đột giữa Chi cục Thuế khu vực II với các cơ quan liên quan

STT	Xung đột	Phương pháp xử lý	Kết quả giải quyết
1	Sự khác biệt trong quy định của từng cơ quan	Tổ chức các cuộc họp để thống nhất quy định, quy trình	Đã được giải quyết
2	Chậm trễ trong việc cung cấp thông tin	Thiết lập kênh liên lạc trực tiếp và cam kết thời hạn cung cấp thông tin	Đã được giải quyết
3	Thiếu nhân lực cho các công tác phối hợp	Điều phối nhân lực linh hoạt, hỗ trợ giữa các phòng ban	Được giải quyết một phần
4	Sự cố kỹ thuật trong hệ thống quản lý dữ liệu	Kiến nghị lên cấp trên để khắc phục sự cố và cải thiện hệ thống	Được giải quyết một phần
5	Khác biệt trong thời gian tổ chức thực hiện	Thống nhất lại thời gian làm việc với các bên	Được giải quyết một phần

(Nguồn: Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn)

Bảng trên cho thấy các xung đột chính trong quá trình triển khai đề án, cùng với các phương pháp xử lý và kết quả đạt được. Các xung đột chủ yếu bao gồm sự khác biệt trong quy định giữa các cơ quan, chậm trễ trong việc cung cấp thông tin, thiếu nhân lực, sự cố kỹ thuật trong hệ thống quản lý dữ liệu và khác biệt về thời gian

tổ chức thực hiện. Các biện pháp xử lý đã được áp dụng phù hợp với từng loại xung đột, như tổ chức họp thống nhất quy trình, thiết lập kênh liên lạc trực tiếp, điều phối nhân lực linh hoạt, và kiến nghị cấp trên để giải quyết các vấn đề kỹ thuật.

Một số xung đột đã được giải quyết hoàn toàn như sự khác biệt trong quy định và chậm trễ cung cấp thông tin, nhờ vào sự phối hợp hiệu quả giữa các đơn vị. Tuy nhiên, một số xung đột như thiếu nhân lực, sự cố kỹ thuật và khác biệt về thời gian tổ chức chỉ được giải quyết một phần, cho thấy cần tiếp tục thực hiện các biện pháp bổ sung để đảm bảo tiến độ và hiệu quả của đề án trong giai đoạn tiếp theo.

Bảng 2.12. Phỏng vấn về công tác tổ chức thực hiện đề án 06 tại Chi cục Thuế khu vực II

Câu hỏi: Anh/chị đánh giá như thế nào về công tác tổ chức thực hiện đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia” tại Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn.

- Về tổ chức tuyên truyền.
- Về tổ chức thực hiện các kế hoạch.
- Về phối hợp hoạt động.
- Về xung đột và giải quyết xung đột.

Trả lời:

- Công tác tuyên truyền tốt, đánh giá thấy đa số người dân đã nắm bắt được sơ qua về đề án và chủ động thực hiện cập nhật, bổ sung, thay đổi thông tin thông qua hướng dẫn của chi cục thuế.
- Số lượng MST lớn, phân nhóm không rõ ràng trong hệ thống TMS, còn nhiều MST chỉ có mỗi tên và không có thông tin khác để có thể rà soát.
- Hệ thống đôi lúc còn bị mất kết nối gây gián đoạn việc rà soát MST.
- Các buổi hội nghị đánh giá hội nghị sơ kết chưa đưa ra được giải pháp để khắc phục khó khăn còn tồn tại.
- Dữ liệu cập nhật tại mục “chuẩn hóa dữ liệu đăng ký thuế cá nhân” trên hệ thống cập nhật chậm, nhiều trường hợp đã chuẩn hóa dữ liệu nhưng vẫn hiện trên danh sách, gây khó khăn trong việc theo dõi tiến độ thực hiện.

- Chi cục thuế phối hợp với công an vào thời gian ngoài giờ hành chính gây khó khăn cho công an trong việc sắp xếp nhân lực tham gia vào hoạt động thực hiện đề án do bên công an cũng còn các công việc khác phải thực hiện.
- Việc phối hợp cung cấp thông tin gặp khó khăn khi thông tin của chi cục thuế cung cấp có các trường hợp chỉ có tên rất khó để cung cấp thông tin cũng như các trường hợp đã mất và không ở nơi cư trú cũng không thể cung cấp thêm thông tin cho chi cục thuế.

(Nguồn: Theo tác giả tổng hợp)

Công tác tuyên truyền được đánh giá thực hiện tốt, giúp đa số người dân nắm bắt thông tin và chủ động cập nhật dữ liệu theo hướng dẫn của chi cục thuế. Tuy nhiên, hệ thống cập nhật chậm, nhiều trường hợp đã chuẩn hóa dữ liệu nhưng vẫn hiện trên danh sách, gây khó khăn trong việc theo dõi tiến độ thực hiện. Sự không rõ ràng trong phân nhóm MST và tình trạng nhiều MST thiếu thông tin khác đã gây khó khăn trong quá trình rà soát. Hệ thống đôi khi bị mất kết nối, làm gián đoạn công việc, trong khi các buổi hội nghị sơ kết chưa đưa ra được giải pháp khắc phục các khó khăn đã nêu.

Ngoài ra, việc rà soát vào ngoài giờ hành chính gây trở ngại cho cán bộ công an trong việc sắp xếp nhân lực. Phối hợp trong việc cung cấp thông tin giữa chi cục thuế và công an cũng gặp trở ngại do thiếu thông tin cụ thể, đặc biệt với những trường hợp mất tích hoặc không còn cư trú, làm giảm hiệu quả thực hiện đề án. Nhìn chung có thể thấy một số điểm tích cực trong công tác tổ chức thực hiện và không tránh được các hạn chế trong quá trình tổ chức thực hiện đề án.

2.2.3. Thực trạng kiểm soát thực hiện Đề án

Trong quá trình tổ chức thực hiện đề án 06 từ năm 2023 đến nay, đề án được kiểm soát bởi các chủ thể sau:

Chủ thể bên trong chi cục thuế do chi cục trưởng cùng phó chi cục trưởng phụ trách kiểm soát quá trình thực hiện đề án của các tổ triển khai xem có đúng với kế hoạch đề ra hay chưa, còn gặp khó khăn gì để kịp thời xử lý cũng như báo cáo lên cấp cao hơn.

Chủ thể bên ngoài gồm Cục Thuế tỉnh Lạng Sơn và UBND huyện Lộc Bình kiểm soát về kết quả thực hiện đề án của Chi cục Thuế khu vực II, kết quả đượ báo cáo mỗi tháng 1 lần để kịp thời nắm bắt tiến độ thực hiện đề án.

a) Xây dựng hệ thống thông tin phản hồi

Để theo dõi và đánh giá về công tác chỉ đạo, tiến độ thực hiện cũng như các đánh giá chung trong quá trình thực hiện đề án còn gặp phải trong việc chỉ đạo tổ chức thực hiện đề án 06, Chi cục Thuế khu vực II đã thu thập và xử lý thông tin từ các kênh phản hồi, và chủ yếu là thông qua báo cáo tiến độ thực hiện rà soát.

Bảng 2.13. Tổng hợp về phản hồi thông tin trong tổ chức thực hiện đề án

Đơn vị tính: lượt

STT	Kênh phản hồi	Công cụ phản hồi	Đơn vị nhận thông tin vào	Số lần		
				Đợt 1 năm 2023	Đợt 2 năm 2023	Đợt 1 năm 2024
1	Đường dây nóng và email của CCT	Số điện thoại và email	Công chức thuộc tổ thực hiện	02	03	05
2	Trang web chính thức	Cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế	Quản trị viên của Tổng cục Thuế	0	01	01
3	Hội nghị, hội thảo	Các cuộc họp trực tiếp, trực tuyến	Lãnh đạo và đại diện cơ quan liên quan	01	01	01
4	Công văn, báo cáo	- Báo cáo tiến độ - Báo cáo kết quả thực hiện	Tổ trưởng tổ triển khai, Phó Chi cục trưởng	05	05	05

(Nguồn: Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn)

Các kênh thông tin phản hồi được thiết lập thể hiện sự quan tâm đặc biệt đến việc thu thập và xử lý ý kiến của người dân. Đường dây nóng và email là hai công cụ quan trọng giúp công chức thuộc tổ thực hiện tiếp nhận phản hồi một cách nhanh chóng và hiệu quả. Việc duy trì trang web chính thức, như cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế, giúp người nộp thuế dễ dàng tiếp cận thông tin và gửi ý kiến. Quản trị viên hệ thống có trách nhiệm đảm bảo hoạt động ổn định của nền tảng này và gửi

phản hồi chi tiết về các vấn đề phát sinh tại địa phương thông qua hệ thống của cơ quan thuế. Các hội nghị và hội thảo, cả trực tiếp và trực tuyến, tạo cơ hội cho các bên liên quan trao đổi thông tin, đồng thời giúp lãnh đạo cơ quan thuế tiếp nhận ý kiến và giải quyết các vấn đề phát sinh. Văn bản và báo cáo là công cụ quan trọng để tổ trưởng tổ triển khai và Phó Chi cục trưởng theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động, từ đó điều chỉnh các biện pháp phù hợp và báo cáo lên các cấp cao hơn về quá trình thực hiện Đề án 06 tại Chi cục Thuế.

Kết quả cho thấy số lần phản hồi qua các kênh chủ yếu tăng dần qua các đợt, đặc biệt qua đường dây nóng và email, cho thấy công tác tiếp nhận thông tin ngày càng được chú trọng và gia tăng. Tuy nhiên, phản hồi qua trang web chính thức và hội nghị có số lần tương đối ổn định và ít thay đổi, có thể phản ánh việc sử dụng các kênh này còn hạn chế hoặc chưa được khai thác triệt để. Các báo cáo tiến độ và kết quả thực hiện vẫn duy trì ở mức ổn định, cho thấy công tác báo cáo luôn được thực hiện đầy đủ, đảm bảo sự minh bạch và tiến độ công việc.

Nhìn chung, các kênh thông tin phản hồi này cho thấy sự phối hợp chặt chẽ và chủ động trong việc kiểm soát thực hiện đề án tại Chi cục Thuế khu vực II.

b) Giám sát và đánh giá sự thực hiện

Với sự chỉ đạo chặt chẽ từ các cấp, Chi cục Thuế khu vực II đã thường xuyên thực hiện công tác giám sát và đánh giá tiến độ thực hiện Đề án 06. Công tác giám sát việc tổ chức thực hiện đề án với các nội dung sau:

- Giám sát về công tác tổ chức tuyên truyền: Đảm bảo các hoạt động truyền thông được triển khai đúng tiến độ và đạt hiệu quả cao, giúp người dân và các đối tượng liên quan nắm bắt đầy đủ thông tin về đề án, nâng cao ý thức tham gia và tuân thủ quy định. Giám sát này bao gồm kiểm tra nội dung truyền thông, phương tiện và kênh truyền tải, cũng như đánh giá phản hồi từ cộng đồng.

- Giám sát về việc tổ chức thực hiện đề án: Theo dõi sát sao các bước thực hiện đề án, từ việc lập kế hoạch, phân công nhiệm vụ đến việc thực hiện các hạng mục cụ thể. Đảm bảo đề án được triển khai đúng lộ trình và đạt mục tiêu đề ra, phát hiện sớm những bất cập hoặc rủi ro để có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Giám sát về tình hình phối hợp hoạt động với các bên liên quan: Theo dõi sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị tham gia, đảm bảo sự hỗ trợ và trao đổi thông tin kịp thời. Việc giám sát này giúp tăng cường tính đồng bộ, hạn chế chồng chéo nhiệm

vụ và nâng cao hiệu quả hợp tác giữa các bên liên quan trong quá trình thực hiện đề án.

- Giám sát về việc đàm phán và giải quyết xung đột: Kiểm tra các hoạt động phối hợp và phương pháp xử lý khi xảy ra xung đột giữa các bên, đảm bảo mọi vấn đề được giải quyết hợp lý, đúng thẩm quyền và theo các quy định hiện hành. Giám sát này giúp giữ vững quan hệ hợp tác, giảm thiểu các bất đồng có thể ảnh hưởng đến tiến độ và hiệu quả chung của đề án.

Trong quá trình tổ chức thực hiện đề án 06, chi cục thuế đã đánh giá việc thực hiện thông qua các hội nghị sơ kết, báo cáo hàng tháng, quý, năm của chi cục thuế. Các đánh giá tập trung vào số lượng mã số cá nhân được chuẩn hóa theo các nhóm đúng với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cùng tỷ lệ hoàn thiện việc đồng bộ dữ liệu về thuế với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Bên cạnh đó còn có đánh giá về số lượng người dân sử dụng cổng dịch vụ công để chấp hành thủ tục liên quan đề thuế cùng số lượng thủ tục hành chính liên quan đến thuế được thực hiện thông qua cổng dịch vụ công. Từ những kết quả đánh giá đó, chi cục thuế có các ý kiến về khó khăn còn gặp phải cùng kiến nghị về giải pháp để thực hiện đề án vào các giai đoạn sau.

c) Đưa ra sáng kiến hoàn thiện Đề án

Trong thời gian tổ chức thực hiện đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia Chi cục Thuế khu vực II đã đưa ra một số giải pháp đổi mới, linh hoạt để đề án được thực hiện một cách hiệu quả.

Trong đó giải pháp sử dụng bộ công cụ để tạo ra một ứng dụng hỗ trợ nhập liệu nhanh kết quả rà soát mã số thuế lên hệ thống thuế tập trung mà không phải cập nhật từng mã số thuế bằng tay đã giúp giảm thiểu nhân sự cùng thời gian thực hiện đề án một cách đáng kể.

Ngoài ra trong quá trình tổ chức thực hiện Đề án, có một số sáng kiến đã được đề xuất nhằm cải thiện hiệu quả triển khai. Tuy nhiên, các sáng kiến này vẫn bộc lộ nhiều hạn chế, chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu từ những vấn đề phát sinh trong thực tế. Nguyên nhân có thể xuất phát từ việc thiếu sự phân tích sâu sát về các tình huống cụ thể, khả năng ứng dụng thực tiễn chưa cao hoặc chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị liên quan. Điều này đặt ra yêu cầu cần tiếp tục nghiên cứu, điều chỉnh và nâng cao chất lượng của các sáng kiến để giải quyết tốt hơn những khó khăn thực tế và đáp ứng mục tiêu của Đề án.

Bảng 2.14. Phỏng vấn về thực trạng kiểm soát thực hiện Đề án 06 tại Chi cục Thuế khu vực II

Câu hỏi: Anh/chị đánh giá như thế nào về công tác kiểm soát triển khai đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia” tại Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn?

- Về xây dựng hệ thống thông tin phản hồi.
- Về giám sát và đánh giá sự thực hiện đề án.
- Về việc đưa ra sáng kiến hoàn thiện đề án.

Trả lời:

- Nhờ các kênh phản hồi mà có thể thấy được thực tế khó khăn mà NNT còn gặp phải trong quá trình cập nhật, bổ sung, thay đổi thông tin để các công chức nắm được tình hình và hỗ trợ NNT kịp thời.
- Mẫu báo cáo còn nhiều phần không cần thiết trong bảng số liệu báo cáo, gây khó khăn cho người báo cáo và tổng hợp báo cáo.
- Các vướng mắc trong quá trình thực hiện còn chưa được quan tâm đúng lúc, còn chưa đưa ra được giải pháp để khắc phục vấn đề.
- Nhờ sáng kiến ứng dụng hỗ trợ chấp nhận mã số thuế mà nhờ đó việc cập nhật MST vào ứng dụng TMS trở nên nhanh chóng, giảm thiểu thời thực hiện đề án của chi cục thuế.
- Nhờ sáng kiến mà các dữ liệu rà soát lỗi cũng được phân loại và chọn lọc nhanh chóng.

(Nguồn: Theo tác giả tổng hợp)

Nhìn chung, công tác kiểm soát triển khai đề án tại Chi cục Thuế khu vực II có nhiều điểm mạnh, đặc biệt là trong việc sử dụng phản hồi từ NNT và áp dụng các sáng kiến công nghệ. Tuy nhiên, cần phải khắc phục những vấn đề như mẫu báo cáo gây còn khó khăn cho cán bộ tổng hợp. Quy trình giám sát còn chưa hiệu quả, dẫn đến việc không phát hiện kịp thời các vấn đề. Đánh giá kết quả không chính xác, làm ảnh hưởng đến việc điều chỉnh và tiến độ của dự án. Sáng kiến được đưa ra đã giúp một phần nào trong việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện đề án.

2.3. Đánh giá tổ chức thực hiện đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia tại Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn

2.3.1. Đánh giá thực hiện mục tiêu

Mục tiêu tổ chức thực hiện đề án 06 tại Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn là rà soát tổng 11.444 MST (tính đến tháng 6 năm 2024). Với số lượng đó chi cục thuế đã đưa mục tiêu riêng theo từng giai đoạn như bảng sau:

Bảng 2.15. Tỷ lệ hoàn thành mục tiêu theo các giai đoạn

STT	Tiêu chí	ĐVT	Đợt 1 năm 2023			Đợt 2 năm 2023			Đợt 1 năm 2024		
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ %	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ %	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ %
1	Rà soát mã số thuế	MST	3.000	2.204	73	4.000	3.220	81	4.000	5.512	138
2	Hội nghị đánh giá thực trạng	Cuộc	01	01	100	02	01	50	02	01	50
3	Gửi văn bản phối hợp	CV	04	04	100	02	03	150	04	02	50
4	Hội nghị sơ kết	Cuộc	01	01	100	01	01	100	01	01	100
5	Tập huấn nâng cao năng lực cán bộ	Lớp	02	02	100	01	0	0	02	01	50

(Nguồn: Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn)

Bảng kết quả trên phản ánh tình hình thực hiện công tác rà soát mã số thuế và các hoạt động liên quan trong ba đợt từ năm 2023 đến 2024, với sự chênh lệch rõ ràng giữa kế hoạch và thực hiện trong một số tiêu chí. Rà soát MST cho thấy sự tiến triển rõ rệt, từ 73% trong Đợt 1 năm 2023 lên 138% trong Đợt 1 năm 2024, vượt xa kế hoạch ban đầu và chứng tỏ công tác rà soát được đẩy mạnh trong các đợt sau. Tiến độ rà soát chưa hoàn thành 100%, mặc dù phần lớn mã số thuế đã được tra cứu và đồng bộ thành công nhưng vẫn còn 508 mã số thuế chưa hoàn thành. Về cơ bản mục tiêu rà soát mã số thuế đã đạt được 95%, số lượng còn lại sẽ được chi cục thuế đẩy mạnh thực hiện và dự kiến sẽ hoàn thiện trong năm 2025.

Việc tổ chức hội nghị đánh giá thực trạng không đạt theo kế hoạch trong cả ba đợt, việc thực hiện các hội nghị rất cần thiết để đánh giá tình hình tổ chức thực hiện đề án tại chi cục thuế. Mặt khác, hội nghị sơ kết luôn được tổ chức đúng kế hoạch cho thấy sự nghiêm túc trong việc đánh giá kết quả hoạt động định kỳ. Tuy nhiên, việc bồi dưỡng nâng cao kiến thức cho cán bộ có sự sụt giảm rõ rệt, điều này có thể ảnh hưởng đến chất lượng và hiệu quả công việc của đội ngũ cán bộ.

Nhìn chung, mặc dù có những tiến bộ trong việc rà soát MST nhưng bảng kết quả cũng cho thấy một số thách thức trong việc duy trì tiến độ của các hoạt động tuyên truyền, hội nghị đánh giá, và tập huấn cán bộ, đòi hỏi cần có sự điều chỉnh và cải thiện trong thời gian tới.

2.3.2. Ưu điểm trong tổ chức thực hiện Đề án

2.3.2.1. Ưu điểm về chuẩn bị triển khai đề án

Cơ cấu tổ chức rõ ràng và có sự phân công trách nhiệm cụ thể của các thành phần: Chi cục trưởng, Phó Chi cục trưởng, Tổ trưởng cùng các thành viên tổ triển khai đều có vai trò cụ thể và trách nhiệm rõ ràng, đảm bảo tính hệ thống trong việc chỉ đạo, phối hợp và thực hiện đề án.

Kế hoạch chi tiết qua từng giai đoạn, các mục tiêu được phân định rõ ràng theo từng đợt, từ rà soát mã số thuế, tổ chức hội nghị, gửi công văn phối hợp, đến các hoạt động tuyên truyền và tập huấn cán bộ. Điều này giúp cho quá trình triển khai đề án có định hướng cụ thể.

Ban hành các văn bản hướng dẫn kịp thời, các văn bản hướng dẫn về sử dụng hệ thống, rà soát, đồng bộ và phối hợp cung cấp thông tin được ban hành đầy đủ. Điều này giúp các cán bộ, tổ triển khai và các đơn vị liên quan nắm rõ quy trình, đảm bảo sự đồng bộ và chính xác trong quá trình thực hiện.

Việc tổ chức các buổi tập huấn về cách thức rà soát, sử dụng hệ thống và phổ biến văn bản liên quan cho các thành viên tổ triển khai giúp đảm bảo các cán bộ, công chức tham gia thực hiện đề án có đủ kiến thức và kỹ năng để thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao.

2.3.2.2. Ưu điểm về triển khai đề án

Việc tuyên truyền qua nhiều hình thức như phương tiện truyền thông, mạng xã hội, tài liệu ấn phẩm và xe phát thanh giúp người dân hiểu rõ về đề án 06 và việc sử dụng mã số định danh cá nhân thay cho mã số thuế. Điều này nâng cao nhận thức và thúc đẩy người dân tham gia vào quá trình chuyển đổi số.

Quy trình rà soát rõ ràng và có hệ thống giúp chi cục thuế xác định rõ các nhóm đối tượng cần rà soát ưu tiên theo mức độ quan trọng, đảm bảo quá trình thực hiện đạt hiệu quả và tiến độ đúng kế hoạch và đạt được hiệu quả trong việc hoàn thành nhiệm vụ rà soát. Kết quả rà soát các mã số thuế cho thấy tiến độ hoàn thành cao, với phần lớn số liệu đã được xử lý trong các đợt thực hiện.

Sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan liên quan cũng là một ưu điểm của tổ chức thực hiện đề án. Chi cục thuế đã có sự phối hợp hiệu quả với các đơn vị như Công an huyện Lộc Bình, UBND huyện Lộc Bình và Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông huyện Lộc Bình để tăng cường hiệu quả tuyên truyền và đảm bảo việc thực hiện đề án được liên tục và thông suốt. Đây là yếu tố quan trọng giúp thúc đẩy tiến độ và chất lượng thực hiện.

2.3.2.3. Ưu điểm về kiểm soát thực hiện đề án

Việc thiết lập nhiều kênh phản hồi như đường dây nóng, email, trang web, hội nghị và báo cáo giúp thu thập ý kiến từ người dân và các bên liên quan một cách nhanh chóng và hiệu quả. Hệ thống thông tin phản hồi cho phép Chi cục Thuế khu vực II theo dõi tiến độ thực hiện dự án, giúp điều chỉnh kịp thời các biện pháp phù hợp. Việc thu thập phản hồi từ NNT giúp Chi cục Thuế khu vực II hiểu rõ hơn về nhu cầu và mong muốn của người nộp thuế, từ đó kiến nghị lên cục thuế để cải thiện chất lượng và tạo sự hài lòng cho người dân. Đồng thời hệ thống thông tin phản hồi giúp tăng cường tính minh bạch trong hoạt động của cơ quan thuế, tạo ra cơ chế giám sát hiệu quả, từ đó nâng cao trách nhiệm của các công chức thuế trong việc thực hiện nhiệm vụ và công tác hỗ trợ với NNT.

Thông qua việc phản hồi của NNT, chi cục thuế có thể kiến nghị lên cấp trên để điều chỉnh các chiến lược và biện pháp thực hiện đề án dựa trên phản hồi từ cộng đồng, giúp đề án ngày càng phù hợp hơn với thực tiễn.

Chi cục Thuế khu vực II đã có giải pháp đổi mới và sáng kiến linh hoạt bằng việc áp dụng bộ công cụ hỗ trợ nhập liệu nhanh giúp nâng cao hiệu suất công việc, giảm thiểu khối lượng công việc thủ công, và tiết kiệm thời gian cho các công chức thuế.

2.3.3. Hạn chế trong tổ chức thực hiện Đề án

2.3.3.1. Hạn chế về chuẩn bị triển khai Đề án

Một trong những hạn chế lớn trong việc triển khai đề án 06 tại Chi cục Thuế khu vực II là tình trạng không đủ nhân lực và việc nhân lực kiêm nhiều công việc khác nhau. Sự thiếu hụt nhân sự chuyên trách có thể dẫn đến việc phân bổ công việc không hiệu quả, gây áp lực lớn lên đội ngũ hiện có. Nhiều công chức phải đảm nhiệm nhiều nhiệm vụ chuyên môn khác nhau tại chi cục thuế, hệ quả là công việc không thể hoàn thành đúng tiến độ và chất lượng, đồng thời cũng gây ra sự mệt mỏi cho công chức. Điều này có thể làm giảm động lực làm việc và chất lượng dịch vụ mà cơ quan thuế cung cấp cho người nộp thuế. Thiếu nguồn lực hợp lý không chỉ ảnh hưởng đến hiệu quả của đề án mà còn cản trở tiến trình chuyển đổi số, khiến cho mục tiêu cuối cùng của đề án khó đạt được.

Trong quá trình triển khai đề án 06 là văn bản hướng dẫn còn mang tính chất định hướng và chưa được cụ thể dẫn đến sự thiếu rõ ràng trong việc thực hiện các bước cần thiết, gây khó khăn cho cán bộ thực hiện. Những chỉ dẫn không chi tiết có thể tạo ra sự hiểu lầm hoặc thực hiện sai quy trình, từ đó làm chậm tiến độ thực hiện đề án. Sự thiếu sót này cần được khắc phục thông qua việc xây dựng các tài liệu hướng dẫn chi tiết hơn, giúp đảm bảo rằng mọi đối tượng liên quan đều nắm rõ các yêu cầu và quy trình cần thiết để tổ chức thực hiện đề án 06 một cách có hiệu quả.

Hạn chế trong việc tổ chức các lớp tập huấn cho công chức triển khai đề án là một vấn đề đáng lưu tâm. Các buổi tập huấn vẫn còn mang tính chất sơ sài, chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu và yêu cầu thực tiễn của công việc. Do đó, cán bộ thực hiện thường gặp khó khăn trong việc tra soát thông tin, dẫn đến việc thực hiện đề án không đạt hiệu quả như mong đợi. Việc thiếu thông tin và hướng dẫn chi tiết trong các buổi tập huấn không chỉ ảnh hưởng đến sự tự tin của cán bộ mà còn có thể gây ra sai sót trong quá trình triển khai công việc. Nếu không được cải thiện, tình trạng này có thể

làm chậm tiến độ thực hiện và gây ra nhiều hệ lụy khác trong công tác tổ chức thực hiện đề án 06 tại Chi cục Thuế khu vực II.

2.3.3.2. Hạn chế về triển khai Đề án

Còn chưa khai thác hiệu quả các buổi hội nghị và sơ kết, mặc dù các hội nghị sơ kết và đánh giá thực trạng đã được tổ chức, nhưng vẫn chưa giải quyết kịp thời những khó khăn và tồn đọng trong quá trình triển khai đề án, làm chậm tiến độ cải thiện thực hiện đề án.

Dữ liệu cập nhật tại mục “chuẩn hóa dữ liệu đăng ký thuế cá nhân” trên hệ thống cập nhật chậm, nhiều trường hợp đã chuẩn hóa dữ liệu nhưng vẫn hiện trên danh sách, gây khó khăn trong việc theo dõi tiến độ thực hiện. Việc tra cứu thông tin còn thực hiện rất thủ công, chỉ tra cứu được thông tin của từng MST trên hệ thống của Bộ Công an. Luôn cần có cán bộ công an phụ trách dữ liệu để thực hiện tra cứu.

Công tác phối hợp, trao đổi để thực hiện các nhiệm vụ đề án 06 giữa các cơ quan liên quan thi thoảng còn chưa chặt chẽ, cũng như kịp thời, chưa phát huy được năng lực của tổ triển khai ở trong việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của đề án. Việc rà soát ngoài giờ hành chính gây trở ngại cho cán bộ công an trong việc sắp xếp nhân lực. Phối hợp trong việc cung cấp thông tin giữa chi cục thuế và công an cũng gặp trở ngại do thiếu thông tin cụ thể, đặc biệt với những trường hợp mất tích hoặc không còn cư trú, làm giảm hiệu quả thực hiện đề án. Nhìn chung có thể thấy một số điểm tích cực trong công tác tổ chức thực hiện và không tránh được các hạn chế trong quá trình thực hiện đề án 06.

Những hạn chế này thể hiện sự thiếu đồng bộ trong một số hoạt động tổ chức thực hiện đề án, cũng như việc chưa đáp ứng đủ mục tiêu tuyên truyền, phối hợp và tập huấn, có thể làm giảm hiệu quả của việc thực hiện đề án trong giai đoạn tiếp theo.

2.3.3.3. Hạn chế về kiểm soát thực hiện Đề án

Đề án được tổ chức thực hiện kéo dài từ năm 2023 đến năm 2024 và vẫn còn tiếp tục tới năm 2030 nên việc theo dõi giám sát sẽ gặp khó khăn.

Quy trình giám sát còn chưa hiệu quả, dẫn đến việc không phát hiện kịp thời các vấn đề. Đánh giá kết quả không chính xác, làm ảnh hưởng đến việc điều chỉnh và tiến độ của dự án. Ngoài ra khó khăn trong việc điều chỉnh kế hoạch khi có sự thay đổi, dẫn đến mất cân đối và chậm trễ. Cũng như chưa thiết lập các chỉ tiêu đánh giá

rõ ràng. Tuy có sáng kiến trong khi đề án đang được tổ chức thực hiện nhưng sáng kiến còn có nhiều hạn chế, với các phát sinh thực tế sáng kiến vẫn chưa thể cải thiện hết các khó khăn mới gặp phải.

Tiến độ rà soát chưa hoàn thành 100%, mặc dù phần lớn mã số thuế đã được tra cứu và đồng bộ thành công nhưng vẫn còn 508 mã số thuế chưa hoàn thành, cho thấy cần thêm thời gian và sự nỗ lực của các nhân sự để hoàn thành toàn bộ mục tiêu.

Nhìn chung, việc triển khai đề án 06 tại chi cục thuế đã đạt nhiều kết quả tích cực, nhưng vẫn còn những hạn chế cần cải thiện để đảm bảo tiến độ và hiệu quả tổ chức thực hiện sao cho các nhiệm vụ được hoàn thành.

2.3.4. Nguyên nhân của hạn chế

2.3.4.1. Nguyên nhân thuộc về chi cục thuế

Lãnh đạo Chi cục Thuế đã chỉ đạo mạnh mẽ quyết liệt tuy nhiên do phải quản lý nhiều nhiệm vụ và một phần do trình độ về công nghệ thông tin còn gặp nhiều hạn chế nên có gặp nhiều khó khăn trong quá trình chỉ đạo .

Đội ngũ cán bộ thực hiện còn kiêm nhiệm nhiều công việc tại Chi cục Thuế nên đôi khi còn chưa sắp xếp được thời gian hợp lý để thực hiện đề án một cách có hiệu quả.

Trang thiết bị công nghệ thông tin tuy có được chuẩn bị đầy đủ nhưng lỗi thời gây chậm trễ trong quá trình tổ chức thực hiện đề án 06.

2.3.4.2. Nguyên nhân thuộc môi trường bên ngoài chi cục thuế

Kinh tế của huyện còn gặp nhiều khó khăn, ngân sách địa phương dành cho đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin còn hạn chế. Điều kiện hạ tầng cơ sở để xây dựng các mô hình điểm về dịch vụ công trực tuyến ở cơ sở, phổ cập truy cập mạng internet còn hạn chế, một bộ phận người dân vẫn chưa có điều kiện để tiếp cận, làm quen với internet, nhất là ở các địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa.

Nguồn nhân lực có chuyên môn cao trong các lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông vẫn đang thiếu hụt cả về số lượng lẫn chất lượng trong nhiều cơ quan hành chính. Bên cạnh đó, cơ sở hạ tầng cùng các trang thiết bị hỗ trợ cho quá trình chuyển đổi số còn chưa đáp ứng được yêu cầu, với tình trạng thiếu thốn và thiếu đồng bộ. Việc kết nối và chia sẻ dữ liệu giữa các bộ, ngành, cũng như giữa các cấp hành chính, vẫn tồn tại nhiều hạn chế, ảnh hưởng đến hiệu quả triển khai các giải pháp

chuyển đổi số. Những vấn đề này đặt ra thách thức lớn cần được ưu tiên khắc phục để thúc đẩy tiến độ và chất lượng thực hiện Đề án.

Vẫn còn tồn tại một số người dân còn thiếu các giấy tờ tư pháp hoặc giấy tờ còn sai lệch thông tin, do đó công tác làm sạch dữ liệu còn gặp nhiều khó khăn, khó để thực hiện việc cấp CCCD/ĐDDT. Trong công tác tuyên truyền, vận động người dân đi làm CCCD/ĐDDT cũng còn gặp nhiều trở ngại. Việc thu nhận ĐDDT phải có số điện thoại và việc sử dụng được tài khoản ĐDDT người dân cần phải có điện thoại thông minh, mà thực tế nhiều người dân nhất là ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa không có điện thoại nên rất khó để thực hiện chỉ tiêu này. Mà các chỉ tiêu này có ảnh hưởng trực tiếp đến việc rà soát MST của chi cục thuế do thiếu thông tin NNT trên cơ sở dữ liệu quốc gia.

CHƯƠNG 3

ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG DỮ LIỆU VỀ DÂN CƯ, ĐỊNH DANH VÀ XÁC THỰC ĐIỆN TỬ PHỤC VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA TẠI CHI CỤC THUẾ KHU VỰC II, TỈNH LẠNG SƠN ĐẾN NĂM 2030

3.1. Định hướng hoàn thiện tổ chức thực hiện đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia tại Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030

3.1.1. Mục tiêu tổ chức thực hiện đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia tại Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn

Mục đích của tổ chức trong việc thực hiện đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử để phục vụ chuyển đổi số quốc gia tại Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn có thể bao gồm những điều sau:

- Nâng cao nhận thức của người nộp thuế về tầm quan trọng của việc tổ chức thực hiện đề án 06 tại địa phương.

- Tăng cường công tác phối hợp với các cấp, các ban ngành và toàn thể xã hội nhằm hỗ trợ tổ chức thực hiện tốt các hoạt động của đề án một cách hiệu quả và đạt được mục tiêu đề ra.

- Tối ưu hóa quy trình xử lý hành chính, giảm thiểu thủ tục hành chính, tăng cường tính tự động hóa và giảm thiểu thời gian xử lý thông tin. Xây dựng một nền tảng dữ liệu chính xác và toàn diện về dân cư nhằm cải thiện quản lý và sử dụng thông tin một cách hiệu quả. Điều này giúp CQT nắm bắt thông tin một cách chính xác về NNT và tăng cường tính minh bạch trong quá trình quản lý thuế.

Mục tiêu của tổ chức trong việc thực hiện đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử để phục vụ chuyển đổi số quốc gia tại Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030:

- Tỷ lệ rà soát và đồng bộ mã số thuế với dữ liệu dân cư quốc gia đạt 100%.

- Tỷ lệ người nộp thuế được tuyên truyền về việc tổ chức thực hiện đề án 06 tại chi cục thuế trên địa bàn huyện đạt 100%.

- Tỷ lệ người nộp thuế có thể đăng ký mới hoặc thay đổi thông tin mã số thuế qua cổng dịch vụ quốc gia đạt 95%.

- 100% người nộp thuế có thể sử dụng mã số định danh thay MST theo đúng tiêu chí của đề án 06.

3.1.2. Phương hướng hoàn thiện đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia tại Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn

a) Phương hướng chuẩn bị triển khai Đề án

Trong quá trình tổ chức thực hiện triển khai đề án 06 tại Chi cục Thuế khu vực II, cần tập trung khắc phục các hạn chế hiện tại bằng cách tăng cường nguồn lực và cải thiện quy trình thực hiện. Trước hết, việc bổ sung nhân sự chuyên trách là cần thiết để giảm bớt áp lực cho các công chức và đảm bảo phân công công việc hợp lý. Đồng thời, việc ban hành các văn bản, tài liệu hướng dẫn một cách chi tiết, rõ ràng sẽ giúp cán bộ nắm bắt và triển khai đúng quy trình, tránh sai sót. Bên cạnh đó, cần cải thiện chất lượng các buổi tập huấn, đảm bảo chúng đáp ứng đúng với yêu cầu thực tế, giúp cán bộ tự tin và thành thạo hơn trong việc triển khai công việc.

Mặt khác, cần tiếp tục phát huy những ưu điểm đã có để duy trì hiệu quả triển khai đề án. Sự phân công trách nhiệm rõ ràng giữa các thành phần và sự phối hợp chặt chẽ đã tạo nên một hệ thống tổ chức vững chắc, giúp việc chỉ đạo và triển khai đề án diễn ra nhịp nhàng. Bám sát kế hoạch theo từng giai đoạn, kết hợp với việc ban hành kịp thời các văn bản hướng dẫn và xây dựng các chương trình tập huấn cụ thể, sẽ giúp đảm bảo tính đồng bộ và chính xác trong thực hiện, góp phần đạt được các mục tiêu chuyển đổi số quốc gia.

b) Phương hướng tổ chức thực hiện Đề án

Phương hướng để cải thiện công tác tổ chức thực hiện đề án 06 tại Chi cục Thuế khu vực II cần chú trọng vào nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, rà soát và tập huấn. Trước hết, cần điều chỉnh phương pháp tuyên truyền để tiếp cận tốt hơn những khu vực dân cư khó khăn trong việc tiếp cận thông tin, như bổ sung hình thức tuyên truyền trực tiếp hoặc qua các kênh dễ tiếp cận hơn. Đồng thời, phải đảm bảo tổ chức đầy đủ và kịp thời các hội nghị đánh giá tiến độ, nhằm khắc phục những tồn đọng và đưa ra các điều chỉnh cần thiết. Việc tăng cường số lượng và chất lượng các buổi tập huấn, đặc biệt là các lớp nâng cao năng lực cán bộ, cũng cần được chú trọng để đảm bảo đội ngũ thực hiện đủ kỹ năng và kiến thức vận hành hệ thống.

Ngoài ra, cần nâng cao sự phối hợp giữa các cơ quan liên quan để đảm bảo tính đồng bộ trong quá trình tổ chức thực hiện đề án. Việc chuẩn hóa dữ liệu và cập nhật thông tin cũng phải được đẩy nhanh, tránh tình trạng cập nhật chậm gây ảnh hưởng đến quá trình theo dõi và xử lý dữ liệu. Hơn nữa, tra cứu và quản lý thông tin

cần được số hóa và tự động hóa nhiều hơn, giảm bớt thủ công, giúp tăng hiệu quả làm việc. Các tổ triển khai cần được hỗ trợ thêm về công nghệ thông tin để nâng cao trình độ, đồng thời tăng cường sự kết nối, trao đổi kịp thời giữa các đơn vị để đảm bảo tiến độ và chất lượng thực hiện đề án.

c) Phương hướng kiểm soát thực hiện Đề án

Chi cục Thuế khu vực II cần tập trung vào việc nâng cao hiệu quả giám sát và điều chỉnh kế hoạch. Trước hết, cần xây dựng quy trình giám sát chặt chẽ hơn, với các tiêu chuẩn đánh giá rõ ràng để phát hiện kịp thời các vấn đề, đảm bảo điều chỉnh kế hoạch nhanh chóng khi có sự thay đổi. Đồng thời, cần có một hệ thống đánh giá liên tục để kiểm soát tiến độ và đưa ra điều chỉnh phù hợp, tránh tình trạng mất cân đối và chậm trễ trong việc thực hiện các nhiệm vụ được đề ra.

Ngoài ra, việc nâng cao sáng kiến trong quá trình tổ chức thực hiện đề án là cần thiết để kịp thời đáp ứng các yêu cầu từ thực tế. Cần khuyến khích và phát triển các giải pháp sáng tạo nhằm giải quyết những thách thức phát sinh, đặc biệt là trong việc hoàn thiện 100% tiến độ rà soát mã số thuế. Để hoàn thành các nhiệm vụ còn tồn đọng, cần bổ sung nguồn lực và thời gian hợp lý, đảm bảo rằng mọi mục tiêu đã đặt ra đều được hoàn thành đúng hạn.

Cuối cùng, Chi cục Thuế khu vực II cần tiếp tục phát huy hệ thống phản hồi và các kênh thông tin đã thiết lập để thu thập ý kiến và nhu cầu từ người nộp thuế. Việc cải thiện cơ chế này không chỉ giúp tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm trong hoạt động của cơ quan thuế, mà còn giúp điều chỉnh chiến lược tổ chức thực hiện đề án một cách chính xác hơn trong thực tiễn. Sáng kiến áp dụng các công cụ hỗ trợ nhập liệu nhanh cũng nên được nhân rộng để nâng cao hiệu suất và giảm thiểu công việc thủ công, giúp tiết kiệm thời gian cho công chức thuế.

3.2. Một số giải pháp hoàn thiện tổ chức thực hiện đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia tại Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030

3.2.1. Giải pháp hoàn thiện chuẩn bị triển khai Đề án

a) Mục tiêu

Thứ nhất, bộ máy tổ chức thực hiện đề án được hoàn thiện và được duy trì ổn định, thích ứng với những thay đổi về nhân sự trong tương lai.

Thứ hai, các văn bản hướng dẫn được xây dựng lại với nội dung chi tiết, rõ ràng, với quy trình từng bước cụ thể.

Thứ ba, các buổi tập huấn cung cấp kiến thức, kỹ năng và thông tin chi tiết để sao cho các yêu cầu được đáp ứng và phù hợp với thực tiễn của công tác triển khai đề án 06.

b) Giải pháp

* Hoàn thiện bộ máy tổ chức thực hiện Đề án

Trong giai đoạn đầu, cần tập trung ổn định bộ máy tổ chức thực hiện Đề án 06, đảm bảo hoạt động xuyên suốt và hiệu quả ngay cả khi có biến động nhân sự như luân chuyển, điều động hoặc biệt phái cán bộ. Đặc biệt, vai trò của thủ trưởng cơ quan và các thành viên phải được xác định rõ ràng, gắn với trách nhiệm trong việc triển khai đề án. Đồng thời, việc bố trí thêm công chức thuộc đội Liên xã, thị trấn huyện Lộc Bình là cần thiết. Với sự hiểu biết sâu sắc về địa bàn, đặc điểm dân cư và tình hình kinh tế - xã hội, đội ngũ này sẽ giúp quá trình hướng dẫn người dân trở nên thuận lợi hơn, giảm thiểu khó khăn tại các địa phương có đặc thù riêng biệt.

Giai đoạn tiếp theo tập trung vào việc tăng cường phối hợp với lực lượng Công an xã, thị trấn trong công tác rà soát và cập nhật thông tin mã số thuế cũng như dữ liệu liên quan. Với kinh nghiệm trong quản lý dân cư và sự am hiểu địa bàn, lực lượng công an sẽ phối hợp chặt chẽ với cán bộ thuế để đảm bảo tính chính xác, toàn diện và minh bạch trong triển khai. Bên cạnh đó, cần tổ chức các khóa đào tạo và bồi dưỡng chuyên sâu cho cán bộ thuế và công an xã, trang bị kỹ năng làm việc tại địa phương, xử lý dữ liệu và phối hợp liên ngành để nâng cao hiệu quả thực hiện đề án.

Trong giai đoạn dài hạn, cần thiết lập cơ chế phối hợp bền vững giữa Chi cục Thuế khu vực II và lực lượng Công an xã, thị trấn thông qua các quy chế phối hợp chính thức, đảm bảo sự hợp tác ổn định, lâu dài. Đồng thời, định kỳ thực hiện kiểm tra, đánh giá tình hình triển khai đề án, kịp thời phát hiện và điều chỉnh các vấn đề phát sinh. Bên cạnh đó, chú trọng xây dựng hệ thống dữ liệu đồng bộ và từng bước ứng dụng công nghệ thông tin, hướng tới tự động hóa trong quản lý thuế và dân cư, giúp giảm tải công việc cho cán bộ và nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý.* Hoàn thiện xây dựng kế hoạch triển khai đề án.

* Hoàn thiện ban hành các văn bản

Chi cục Thuế khu vực II cần phối hợp chặt chẽ với UBND huyện Lộc Bình để ban hành các văn bản hướng dẫn người dân làm thủ tục đăng ký thuế hoặc bổ sung thông tin CCCD vào mã số thuế. Các hướng dẫn này cần đơn giản, dễ hiểu, tạo thuận lợi cho người dân thực hiện. Đồng thời, cần tăng cường tuyên truyền và phổ biến thông tin để đảm bảo mọi người dân nắm rõ quy trình và quyền lợi khi thực hiện các thủ tục thuế.

Tiếp tục phối hợp với Phòng Tài chính và Kế hoạch huyện Lộc Bình để ban hành các văn bản hướng dẫn dành riêng cho hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh về việc bổ sung thông tin CCCD trên Công Dịch vụ công quốc gia. Các văn bản cần cụ thể hóa từng bước thực hiện, kèm theo hướng dẫn chi tiết để đảm bảo người dân dễ dàng thao tác. Cùng với đó, cần xây dựng kế hoạch hỗ trợ trực tiếp tại địa phương nhằm giải quyết những vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai.

Trong giai đoạn dài hạn, cần tập trung xây dựng lại toàn bộ hệ thống văn bản hướng dẫn theo hướng cụ thể hóa từng quy trình, chi tiết hóa từng nhiệm vụ và phù hợp với đặc thù tại địa phương. Đồng thời, phân công rõ ràng trách nhiệm cho các cán bộ liên quan, đảm bảo mỗi nhiệm vụ đều có người chịu trách nhiệm trực tiếp. Các văn bản này không chỉ cần dễ hiểu, dễ thực hiện mà còn phải được cập nhật định kỳ để đảm bảo tính hiệu quả và phù hợp với tình hình thực tế.

* Hoàn thiện tổ chức tập huấn cán bộ triển khai Đề án

Tập trung nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức Chi cục Thuế khu vực II trực tiếp tham gia thực hiện Đề án 06 thông qua các chương trình đào tạo cơ bản và chuyên sâu. Các buổi đào tạo cần tập trung vào kỹ năng xử lý nghiệp vụ, giao tiếp với người dân và vận hành các hệ thống công nghệ thông tin liên quan. Song song đó, tổ chức các buổi bồi dưỡng riêng cho lãnh đạo Chi cục Thuế, nhằm giúp họ nắm rõ cách tổ chức, chỉ đạo và giám sát triển khai đề án một cách hiệu quả.

Tăng cường kết nối và tổ chức các cuộc trao đổi kinh nghiệm giữa Chi cục Thuế khu vực II với các Chi cục Thuế khác trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn. Thông qua các buổi thảo luận, chia sẻ thực tiễn này, cán bộ và lãnh đạo có thể học hỏi cách giải quyết các khó khăn, triển khai sáng kiến, và áp dụng những phương pháp hiệu quả đã được thực hiện ở các đơn vị khác.

Mở rộng việc trao đổi kinh nghiệm ra ngoài địa bàn tỉnh bằng cách kết nối với Chi cục Thuế tại các tỉnh khác. Điều này không chỉ giúp Chi cục Thuế khu vực II tiếp cận với những mô hình triển khai Đề án 06 hiệu quả ở cấp tỉnh và quốc gia, mà còn tạo cơ hội xây dựng các mối quan hệ hợp tác lâu dài. Đồng thời, tiếp tục tổ chức các chương trình nâng cao năng lực định kỳ cho cả lãnh đạo và cán bộ, đảm bảo sự phát triển liên tục trong năng lực thực hiện và quản lý Đề án.

c) Điều kiện

Để giảm thiểu những khó khăn từ sự thay đổi nhân sự, lãnh đạo chi cục thuế cần kiện toàn lại tổ triển khai để bổ sung các công chức thuộc đội Liên xã thị trấn huyện Lộc Bình. Các công chức này phải hiểu rõ địa bàn, dân cư và tình hình kinh tế

- xã hội để dễ dàng tiếp cận và làm việc với người dân. Đồng thời, cần sự phối hợp của Công an huyện Lộc Bình để bổ sung các cán bộ Công an cấp xã giúp đảm bảo tính chính xác trong quá trình rà soát và xác minh thông tin.

Cần phối hợp với UBND huyện Lộc Bình và Phòng Tài chính và kế hoạch huyện Lộc Bình để ra các tài liệu hướng dẫn chi tiết cho từng đối tượng NNT.

Cần Cục Thuế tỉnh Lạng Sơn phối hợp để ra các văn bản hướng dẫn dựa vào tình hình triển khai thực tế tại địa phương. Đồng thời, cần có sự đồng thuận và phối hợp chặt chẽ từ Cục Thuế tỉnh Lạng Sơn và các cơ quan liên quan để bảo đảm tính khả thi và hiệu quả của văn bản hướng dẫn.

Cần có theo dõi và chỉ đạo từ lãnh đạo Cục Thuế tỉnh Lạng Sơn và các cấp quản lý, nhằm đảm bảo các buổi tập huấn và họp trao đổi kinh nghiệm được tổ chức đều đặn và đạt chất lượng cao. Đồng thời, cần có một quy trình và kế hoạch tập huấn liên tục, thống nhất cùng các đơn vị trong tỉnh và cả với các tỉnh khác để đảm bảo rằng những kinh nghiệm học hỏi được từ các đơn vị khác có thể được áp dụng đồng nhất vào quá trình triển khai đề án, tránh sự rời rạc và thiếu đồng bộ trong cách thực hiện.

3.2.2. Giải pháp hoàn thiện triển khai Đề án

a) Mục tiêu

Thứ nhất, cách thức tuyên truyền được đổi mới theo hướng hiện đại, hấp dẫn và dễ tiếp cận đối với người nộp thuế, phù hợp với mọi lứa tuổi và mọi tầng lớp dân cư, đặc biệt là khu vực biên giới và nông thôn.

Thứ hai, NNT thực hiện đăng ký và thay đổi thông tin đăng ký thuế hoàn toàn theo phương thức điện tử.

Thứ ba, thông tin của NNT được rà soát và đồng bộ khớp hoàn toàn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Thứ tư, sự phối hợp giữa chi cục thuế và các cơ quan, đơn vị liên quan trên địa bàn huyện Lộc Bình phải chặt chẽ và có hiệu quả để cùng nhau thực hiện các nội dung nhiệm vụ của đề án.

b) Giải pháp

*** Hoàn thiện tổ chức tuyên truyền về Đề án**

Trong ngắn hạn, Chi cục Thuế khu vực II cần đổi mới phương thức tuyên truyền theo hướng hiện đại, dễ tiếp cận và phù hợp với từng nhóm đối tượng người nộp thuế. Tập trung xây dựng nội dung tuyên truyền phong phú, sinh động, phù hợp với nhiều lứa tuổi và đặc thù dân cư, đặc biệt tại các khu vực biên giới và nông thôn. Đồng thời, phối hợp với các cơ quan truyền thông và báo chí để phân tích đối tượng

tiếp cận, từ đó lựa chọn nội dung tuyên truyền hiệu quả nhất, đảm bảo thông tin đến được với mọi tầng lớp dân cư.

Tăng cường số lượng bài viết và đa dạng hóa nội dung, hình thức tuyên truyền về Đề án 06. Chi cục Thuế cần chủ động xây dựng các chuyên mục truyền thông chuyên sâu trên hệ thống phát thanh tại thôn, xóm, xã, phường, và thị trấn. Nội dung tuyên truyền phải cụ thể, gắn với những lợi ích thiết thực mà Đề án mang lại cho người dân, giúp họ hiểu rõ hơn và chủ động tham gia thực hiện.

Về dài hạn, cần xây dựng hệ thống tuyên truyền bền vững, tiếp tục đổi mới và tối ưu hóa nội dung, phương thức tuyên truyền phù hợp với sự phát triển của công nghệ và nhu cầu tiếp cận thông tin của người dân. Tạo mối quan hệ hợp tác lâu dài với các cơ quan truyền thông và báo chí, đồng thời nghiên cứu áp dụng các nền tảng truyền thông hiện đại như mạng xã hội, ứng dụng di động để mở rộng phạm vi tiếp cận và nâng cao hiệu quả tuyên truyền.

* Hoàn thiện công tác tổ chức thực hiện

Triển khai các giải pháp kỹ thuật để áp dụng hình thức đăng ký thuế và thay đổi thông tin mã số thuế hoàn toàn qua phương thức điện tử. Người nộp thuế sẽ sử dụng tài khoản trên ứng dụng định danh điện tử để đăng nhập, chủ động kiểm tra, thay đổi và đồng bộ thông tin cá nhân một cách nhanh chóng và thuận tiện. Trong giai đoạn này, cần đẩy mạnh truyền thông để người dân hiểu rõ lợi ích và cách sử dụng hệ thống mới, đảm bảo việc chuyển đổi diễn ra suôn sẻ.

Chi cục thuế cần thiết lập cơ chế giám sát chặt chẽ quá trình triển khai đề án, đặc biệt là việc đăng ký và cập nhật thông tin qua hình thức điện tử. Liên tục theo dõi tiến độ thực hiện, nhận diện sớm các vấn đề phát sinh như lỗi kỹ thuật, chậm trễ trong xử lý dữ liệu hoặc khó khăn trong phối hợp giữa các đơn vị. Kịp thời đề xuất và triển khai các biện pháp khắc phục để đảm bảo mọi vấn đề đều được xử lý nhanh chóng, giảm thiểu tác động tiêu cực đến người dân và các bên liên quan.

Trong giai đoạn dài hạn, tập trung vào việc hoàn thiện hệ thống và quy trình triển khai Đề án 06, đảm bảo rằng các mục tiêu và kế hoạch ban đầu được thực hiện chính xác và hiệu quả. Đồng thời, xây dựng quy trình điều chỉnh kế hoạch linh hoạt nhưng vẫn bám sát các mục tiêu cốt lõi, tránh ảnh hưởng đến chất lượng triển khai. Tăng cường các biện pháp cải tiến công nghệ và nâng cao năng lực phối hợp giữa các đơn vị để duy trì tiến độ, nâng cao chất lượng và đảm bảo sự bền vững của hệ thống trong dài hạn.

* Hoàn thiện phối hợp với các ban ngành

Đề án 06 là một kế hoạch triển khai các nhiệm vụ tại địa phương về công tác chuyển đổi số quốc gia, để thực hiện các nội dung nhiệm vụ của đề án cần có sự vào tham gia của cả hệ thống chính trị, sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị thì mới đảm bảo thực hiện các mục tiêu của đề án một cách thành công nhất. Vì vậy trong quá trình thực hiện đề án rất cần sự phối hợp giữa các cấp, các ngành, các đơn vị trên địa bàn.

Thiết lập các cơ chế phối hợp hiệu quả hơn giữa chi cục thuế và lực lượng công an, để việc tra cứu không phụ thuộc hoàn toàn vào một vài cán bộ phụ trách mà có thể được thực hiện đồng bộ và xuyên suốt. Việc này sẽ giúp chi cục thuế đảm bảo tiến độ thực hiện đề án 06, đặc biệt trong bối cảnh yêu cầu chuyển đổi số ngày càng cấp thiết.

c) Điều kiện

Cần sự phối hợp của Trung tâm Văn hóa, Thể thao và truyền thông huyện Lộc Bình để xây dựng về các nội dung tuyên truyền sao cho phù hợp với địa phương. Cùng với đó cũng cần sự phối hợp của UBND cấp xã để truyền đạt được thông tin tới từng thôn, xóm, từng nhà.

Cần tạo cơ chế khuyến khích sự tham gia của NNT, để NNT tích cực thực hiện đăng ký thuế điện tử qua phương thức điện tử.

Cần sự phối hợp của Công an huyện Lộc Bình về việc bổ sung thêm nhân sự có thể đảm bảo được nguồn lực không gây gián đoạn trong quá trình thực hiện đề án.

3.2.3. Giải pháp hoàn thiện kiểm soát thực hiện Đề án

a) Mục tiêu

Thứ nhất, các vướng mắc của NNT được xử lý kịp thời và triệt để thông qua các kênh thông tin phản hồi.

Thứ hai, các sáng kiến giúp cải thiện quy trình và giảm thiểu thời gian thực hiện được áp dụng vào tại địa phương một cách hợp lý đúng với tình hình thực tế.

b) Giải pháp

Trong giai đoạn tới, gần nhất cần định kỳ tổ chức các buổi hội thảo, gặp gỡ trực tiếp tại địa phương để giải đáp thắc mắc, hướng dẫn chi tiết các vấn đề liên quan đến Đề án 06 và lắng nghe ý kiến đóng góp từ người dân. Cùng đó triển khai các chương trình khảo sát định kỳ nhằm thu thập ý kiến phản hồi về chất lượng dịch vụ công, từ đó làm cơ sở cải thiện quy trình và nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện.

Cùng đó thiết lập hệ thống báo cáo tiến độ thường xuyên để các bên liên quan có thể theo dõi tình hình thực hiện và đưa ra quyết định kịp thời.

Trong giai đoạn 2025-2030, việc mở rộng các kênh phản hồi trên mạng xã hội để tương tác trực tiếp với người dân là rất cần thiết. Các nền tảng này sẽ hỗ trợ giải đáp thắc mắc tức thời và thu thập ý kiến đóng góp từ người dân một cách hiệu quả.

Cùng với đó, cần tăng cường các khóa đào tạo định kỳ về kỹ năng giao tiếp, xử lý tình huống và quản lý thông tin phản hồi, đảm bảo mọi phản hồi từ người dân được giải quyết kịp thời và chuyên nghiệp.

Về dài hạn, nên khuyến khích cán bộ, công chức tại chi cục thuế tham gia viết sáng kiến. Các sáng kiến có tính thực tiễn cao và đem lại hiệu quả tích cực nên được công nhận và khen thưởng, điều này không chỉ tạo động lực cho những người có sáng kiến mà còn khuyến khích toàn thể cán bộ trong cơ quan phấn đấu đóng góp ý tưởng mới.

c) Điều kiện

Cần xây dựng chương trình đào tạo chi tiết cho đội ngũ cán bộ về kỹ năng giao tiếp và xử lý thông tin phản hồi thông qua các buổi hội thảo, khóa học trực tuyến hoặc các sự kiện thực tế, đảm bảo rằng tất cả cán bộ đều có cơ hội nâng cao năng lực.

Cần lên kế hoạch tổ chức định kỳ các buổi tư vấn trực tiếp tại địa phương và các chương trình khảo sát trực tuyến để thu thập phản hồi từ người nộp thuế.

Cần có các chính sách để khuyến khích cán bộ, công chức tại chi cục thuế tham gia viết sáng kiến.

3.2.4. Giải pháp khác

a) Mục tiêu

Thứ nhất, các ứng dụng thuế có khả năng tích hợp tốt với các hệ thống của các ban ngành, cơ quan thuộc chính phủ khác.

Thứ hai, việc thực hiện đề án của NNT thông qua cổng dịch vụ công trực tuyến và cổng giao dịch điện tử của cơ quan thuế được tăng cường.

b) Giải pháp

Đến giai đoạn 2025-2030, hệ thống công nghệ thông tin được cải thiện và phát triển để đảm bảo rằng các ứng dụng có thể tích hợp tốt với các hệ thống khác của các ban ngành cơ quan khác thuộc chính phủ. Điều này giúp cải thiện sự liên thông thông tin và tăng cường khả năng phản hồi nhanh chóng.

Tăng cường kiểm tra việc thực hiện đề án của người nộp thuế thông qua cổng dịch vụ công cũng như cổng giao dịch điện tử của cơ quan thuế. Thiết lập hệ thống báo cáo định kỳ để theo dõi và đánh giá tình hình thực hiện đề án của NNT.

c) Điều kiện

Cần cải thiện hệ thống công nghệ thông tin, cần sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan thuế và các cơ quan chính phủ khác để đảm bảo rằng thông tin được chia sẻ một cách hiệu quả và nhanh chóng, tăng cường liên thông thông tin.

Cần có các chính sách rõ ràng và quy trình kiểm tra hiệu quả thông qua cổng dịch vụ công trực tuyến và cổng giao dịch điện tử của cơ quan thuế. Điều này bao gồm việc xây dựng các tiêu chí và công cụ để đánh giá tính tuân thủ của NNT, từ đó có thể đưa ra các biện pháp để kịp thời giải quyết vấn đề.

3.3. Kiến nghị

3.3.1. Kiến nghị đối với Cục thuế tỉnh Lạng Sơn

Kiến nghị tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến về đề án cũng như các ứng dụng. Tổng hợp tài liệu hướng dẫn kê khai, nộp thuế trực tiếp ngay trên Cổng dịch vụ công Quốc gia bằng mã định danh điện tử. Hình thức tuyên truyền phải đa dạng, dễ hiểu thông qua các phương tiện truyền thông khác nhau như: đài truyền hình, báo giấy, báo điện tử, website, mạng xã hội.

Tham mưu cho Cục Thuế tỉnh Lạng Sơn về việc ban hành thêm các văn bản hướng dẫn tổ chức thực hiện đề án chi tiết cũng như các văn bản phối hợp với các cơ quan chi trả, UBND cấp xã để thực hiện hướng dẫn NNT chủ động rà soát và thay đổi thông tin giúp giảm thiểu khối lượng mã số thuế cần phải rà soát.

3.3.2. Kiến nghị đối với Tổng cục thuế

Tham mưu cho Tổng cục Thuế và Bộ Tài chính nghiên cứu nâng cấp ứng dụng để đáp ứng nhiều hơn yêu cầu sử dụng của công chức cũng như giảm thiểu quá trình, rút ngắn thời gian thực hiện đề án. Cải thiện hệ thống, cải thiện phần liên kết với hệ thống dữ liệu dân cư của Bộ Công an để tránh các trường hợp không thể thực hiện do lỗi tích hợp của hệ thống gây khó khăn cũng như mất công sức cho công chức thực hiện.

Kiến nghị tăng cường việc ban hành các văn bản chỉ đạo, cùng văn bản hướng dẫn xuống địa phương về công tác tổ chức thực hiện Đề án, đảm bảo các nội dung chỉ đạo được cụ thể hóa theo từng cấp, từng lĩnh vực để phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương. Đồng thời, cần thiết lập cơ chế kiểm tra, giám sát việc thực hiện các văn bản này nhằm đảm bảo sự nhất quán và hiệu quả trong triển khai.

KẾT LUẬN

Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia nhằm mục đích tạo ra một nền tảng dữ liệu toàn diện về dân cư và định danh cá nhân, kết hợp với hệ thống xác thực điện tử. Đây sẽ là nền móng quan trọng để cải thiện quản lý và tiện ích hóa các dịch vụ thuế, cùng với đó thủ tục hành chính được giảm thiểu và ngăn chặn gian lận thuế thông qua việc xác thực và quản lý dữ liệu chính xác về dân cư và định danh.

Để tổ chức thực hiện thành công đề án, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa nhiều ban ngành liên quan. Việc triển khai đề án tại địa phương đòi hỏi sự chỉ đạo sát sao của Cục Thuế tỉnh Lạng Sơn và Tổng cục Thuế. Các cơ quan này cần đưa ra hướng dẫn chi tiết, định hướng chiến lược và cung cấp các nguồn lực cần thiết để hỗ trợ Chi cục Thuế khu vực II thực hiện đề án. Đồng thời, sự phối hợp giữa các cơ quan liên quan khác cũng rất quan trọng để đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của dữ liệu dân cư và định danh cá nhân.

Dựa trên cơ sở lý luận và việc phân tích thực trạng tổ chức thực hiện Đề án tại Chi cục Thuế khu vực II, tác giả đưa ra một số định hướng và giải pháp để hoàn thiện tổ chức thực hiện đề án. Các giải pháp bao gồm việc nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ thuế thông qua đào tạo và tập huấn về công nghệ định danh điện tử và quản lý dữ liệu, đồng thời tạo lập cơ chế để phối hợp hiệu quả giữa các đơn vị liên quan. Bên cạnh đó, cần tiếp tục đầu tư vào hạ tầng công nghệ thông tin để đảm bảo việc thu thập, xử lý và quản lý dữ liệu được thực hiện một cách chính xác và an toàn. Những giải pháp này sẽ giúp Chi cục Thuế khu vực II hoàn thiện việc tổ chức thực hiện đề án 06 trong thời gian tới.

Với đề án ***“Tổ chức thực hiện đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia tại Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn”*** tác giả mong muốn có thể hỗ trợ phần nào trong việc tổ chức thực hiện đề án ở Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính (2019), Quyết định số 780/QĐ-BTC về thành lập chi cục thuế khu vực trên cơ sở hợp nhất các chi cục trực thuộc Cục Thuế tỉnh Lạng Sơn.
2. Bộ Tài chính (2021), Quyết định số 107/QĐ-BTC về kế hoạch của Bộ thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.
3. Bộ Tài chính (2021), Quyết định số 107/QĐ-BTC về kế hoạch của Bộ thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.
4. Bộ Tài chính (2021), Thông tư 105/2020/TT-BTC về hướng dẫn đăng ký thuế.
5. Chi cục Thuế khu vực II (2023), Công văn số 797/CCT-NVQLTHC về việc phối hợp cung cấp thông tin.
6. Chi cục Thuế khu vực II (2023), Công văn số 1342/CCT-NVQLTHC về việc cử công chức phối hợp rà soát, chuẩn hóa dữ liệu MST cá nhân theo “Đề án 06”.
7. Chi cục Thuế khu vực II (2023), Báo cáo số 731/BC-CCT về kết quả triển khai thực hiện Đề án 06.
8. Chi cục Thuế khu vực II (2023), Công văn 1515/CCT-NVQLTHC Ngày 21/11/2023 về việc thay đổi công chức phối hợp rà soát, chuẩn hóa dữ liệu MST cá nhân theo “Đề án 06”.
9. Chi cục Thuế khu vực II (2024), Báo cáo số 151/BC-CCT về kết quả triển khai thực hiện Đề án 06.
10. Chi cục Thuế khu vực II (2024), Công văn số 962/CCT-NVDTPC về việc hướng dẫn chuẩn hóa dữ liệu MST cá nhân đồng bộ với CSDL quốc gia về dân cư.
11. Chính phủ (2021), Quyết định số 34/2021/QĐ-TTg quy định về định danh và xác thực điện tử trên nền tảng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu căn cước công dân và cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh.
12. Chính phủ (2021), Quyết định số 1911/QĐ-TTg về việc thực hiện kết nối, chia sẻ giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.
13. Chính phủ (2022), Quyết định số 06/QĐ-TTg về phê duyệt đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030”.
14. Chính phủ (2022), Nghị định số 59/2022/NĐ-CP quy định về định danh và xác thực điện tử.
15. Cục thuế tỉnh Lạng Sơn (2023), Công văn số 417/CT-KK về việc tổ chức Hội nghị trực tuyến triển khai “Đề án 06”.

16. Cục thuế tỉnh Lạng Sơn (2023), Công văn số 457/CT-KK về việc rà soát chuẩn hóa dữ liệu mã số thuế cá nhân.

17. Cục thuế tỉnh Lạng Sơn (2023), Quyết định số 340/QĐ-CT về việc thành lập Tổ triển khai rà soát chuẩn hóa mã số thuế cá nhân trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

18. Cục thuế tỉnh Lạng Sơn (2024), Thông báo số 463/TB-CT về việc tổ chức Hội nghị tập huấn trực tuyến triển khai công tác rà soát, chuẩn hóa mã số thuế cá nhân.

19. Nguyễn Thị Lệ Thúy và Bùi Thị Hồng Việt (2023), Giáo trình Chính sách công, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

20. Nguyễn Ngọc Huyền, Đoàn Thị Thu Hà và Đỗ Thị Hải Hà (2022), Giáo trình Quản lý học, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

21. Quốc hội (2014), Luật số 59/2014/QH13: Luật căn cước công dân.

22. Quốc hội (2019), Luật số 38/2019/QH14: Luật Quản lý thuế.

23. Tổng cục Thuế (2023), Công văn số 846/TCT-DNNCN về việc rà soát chuẩn hóa dữ liệu mã số thuế cá nhân.

24. Tổng cục Thuế (2024), Công văn số 210/TCT-DNNCN về việc tập huấn rà soát chuẩn hóa MST cá nhân.

PHỤ LỤC

PHIẾU PHỎNG VẤN

Để phục vụ cho đề tài “Tổ chức thực hiện đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia tại Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn”

Kính mong anh/chị bớt chút thời gian để thực hiện bài phỏng vấn sau. Những thông tin quý vị đồng ý cung cấp chỉ phục vụ vào mục đích nghiên cứu cho luận văn này.

I. Thông tin người được phỏng vấn

1. Họ và tên:
2. Chức vụ:
3. Đơn vị công tác:

II. Thông tin phỏng vấn

Câu 1: Anh/chị đánh giá như thế nào về bộ máy tổ chức thực hiện đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia tại Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn?

.....
.....
.....

Câu 2: Anh/chị đánh giá như thế nào về kế hoạch tổ chức thực hiện đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia tại Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn?

.....
.....
.....

Câu 3: Anh/chị đánh giá như thế nào về các văn bản hướng dẫn thực hiện đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia tại Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn?

.....
.....
.....

Câu 4: Anh/chị đánh giá như thế nào về công tác tập huấn tổ chức thực hiện đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia tại Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn?

.....
.....
.....

Câu 5: Anh/chị đánh giá như thế nào về công tác tuyên truyền thực hiện đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia tại Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn?

.....
.....
.....

Câu 6: Anh/chị đánh giá như thế nào về công tác triển khai các hoạt động của đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia tại Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn?

.....
.....
.....

Câu 7: Anh/chị đánh giá như thế nào về công tác phối hợp thực hiện đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia tại Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn với các cơ quan khác?

.....
.....
.....

Câu 8: Anh/chị đánh giá như thế nào về các xung đột cũng như cách giải quyết xung đột trong quá trình thực hiện đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia tại Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn với các cơ quan khác?

.....
.....
.....

Câu 9: Anh/chị đánh giá như thế nào về các kênh phản hồi của đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia tại Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn?

.....
.....
.....

Câu 10: Anh/chị đánh giá như thế nào về quá trình giám sát và đánh giá tổ chức thực hiện đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia tại Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn?

.....
.....
.....

Câu 11: Anh/chị đánh giá như thế nào về sáng kiến trong thực hiện đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia tại Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn?

.....
.....
.....

Câu 12: Anh/chị có đóng góp thêm ý kiến nào khác về công tác tổ chức thực hiện đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia tại Chi cục Thuế khu vực II, tỉnh Lạng Sơn không?

.....
.....
.....

Cảm ơn anh/chị đã chia sẻ ý kiến cá nhân, những ý kiến này sẽ là cơ sở thực tiễn quan trọng để chúng tôi tiến hành nghiên cứu. Chúc anh/chị đạt nhiều thành công trong công tác!